

‘ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC
TRƯỜNG TIỂU HỌC BÌNH TRIỆU

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

**DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Phạm Thị Nghĩa	Hiệu trưởng	Chủ tịch HĐ	
2	Hồ Nguyễn Trang Đài	Phó hiệu trưởng	Phó Chủ tịch HĐ	
3	Lý Thị Như Hoa	Phó hiệu trưởng	Phó Chủ tịch HĐ	
4	Lê Hoàng Ngọc Tú Anh	Giáo viên	Thư ký HĐ	
5	Trương Thanh Trúc	Chủ tịch công đoàn	Ủy viên HĐ	
6	Trần Hưng Đạt	Bí thư chi đoàn	Ủy viên HĐ	
7	Nguyễn Thị Thanh Kiều	Tổng phụ trách	Ủy viên HĐ	
8	Phạm Thị Vân	Tổ trưởng CM 1	Ủy viên HĐ	
9	Nguyễn Thị Lệ Hằng	Tổ trưởng CM 2	Ủy viên HĐ	
10	Trần Ngọc Lại	Tổ trưởng CM 3	Ủy viên HĐ	
11	Trần Thị Ngọc Hiếu	Tổ trưởng CM 4	Ủy viên HĐ	
12	Trương Thị Tường Vy	Tổ trưởng CM 5	Ủy viên HĐ	
13	Lê Công Triều	Tổ trưởng tổ BM	Ủy viên HĐ	
14	Phạm Thành Khanh	Tổ trưởng tổ VP	Ủy viên HĐ	
15	Trần Ngọc Thủy Thương	Kế toán	Ủy viên HĐ	

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	1
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	5
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	6
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	13
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	14
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	15
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường	16
Mở đầu	18
Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường	18
Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường và các hội đồng khác	21
Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường	23
Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng	26
Tiêu chí 1.5: Khối lớp và tổ chức lớp học	30
Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản	32
Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên	35

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục	37
Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở	39
Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học	40
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 1</i>	43
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh	44
Mở đầu	44
Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	45
Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên	47
Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên	50
Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh	53
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 2</i>	55
Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học	56
Mở đầu	56
Tiêu chí 3.1: Khuôn viên sân chơi, sân tập.	56
Tiêu chí 3.2: Phòng học	59
Tiêu chí 3.3: Khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính - quản trị	61
Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước	64
Tiêu chí 3.5: Thiết bị	67

Tiêu chí 3.6: Thư viện	70
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3</i>	73
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội	74
Mở đầu	74
Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh	75
Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường	78
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</i>	80
Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục	81
Mở đầu	81
Tiêu chí 5.1: Kế hoạch giáo dục của nhà trường	82
Tiêu chí 5.2: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học	85
Tiêu chí 5.3: Thực hiện các hoạt động giáo dục khác	90
Tiêu chí 5.4: Công tác phổ cập giáo dục tiểu học	94
Tiêu chí 5.5: Kết quả giáo dục	96
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</i>	99
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	99
Phần IV. PHỤ LỤC	101

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

Đánh giá theo từng tiêu chí từ Mức 1 đến Mức 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		x		
Tiêu chí 1.2		x		
Tiêu chí 1.3		x		
Tiêu chí 1.4		x		
Tiêu chí 1.5			x	
Tiêu chí 1.6		x		
Tiêu chí 1.7		x		
Tiêu chí 1.8			x	
Tiêu chí 1.9			x	
Tiêu chí 1.10			x	
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1				x
Tiêu chí 2.2		x		
Tiêu chí 2.3		x		
Tiêu chí 2.4			x	
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		x		
Tiêu chí 3.2		x		
Tiêu chí 3.3		x		
Tiêu chí 3.4		x		
Tiêu chí 3.5		x		
Tiêu chí 3.6			x	
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1			x	
Tiêu chí 4.2		x		
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1			x	
Tiêu chí 5.2		x		
Tiêu chí 5.3		x		
Tiêu chí 5.4				x
Tiêu chí 5.5		x	x	

Kết quả: Đạt Mức 1

2. Kết luận: Trường đạt Mức 1

Phần I**CƠ SỞ DỮ LIỆU**

Tên trường: Trường Tiểu học Bình Triệu.

Tên trước đây: Trường Tiểu học Bình Triệu.

Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Đức.

Thành phố	Thành phố Hồ Chí Minh	Họ và tên Hiệu trưởng	Phạm Thị Nghĩa
Quận	Thành phố Thủ Đức	Điện thoại	028 37269 904
Phường	Hiệp Bình Chánh	Fax	
Đạt chuẩn quốc gia		Website	thbinhtrieu. hcm.edu.vn
Năm thành lập	2004	Số điểm trường	01
Công lập	X	Loại hình khác	
Tư thực		Thuộc vùng khó khăn	
Trường chuyên biệt		Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	
Trường liên kết với nước ngoài			

1. Số lớp

Số lớp học	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024
Khối lớp 1	12	14	12	13	12
Khối lớp 2	13	10	13	11	12
Khối lớp 3	11	13	9	12	11
Khối lớp 4	9	10	13	9	12
Khối lớp 5	10	9	10	12	9
Cộng	55	56	57	57	56

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số liệu	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024
I	Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập	40	45	46	47	47
1	Phòng học	39	44	44	45	45
a	Phòng kiên cố	39	44	44	45	45
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0
2	Phòng học bộ môn	1	1	2	2	2
a	Phòng kiên cố	1	1	2	2	2
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0

c	Phòng tạm	0	0	0	0	0
3	Khối phục vụ học tập	0	0	0	0	0
a	Phòng kiên cố	0	0	0	0	0
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0
II	Khối phòng hành chính - quản trị	5	5	5	5	5
1	Phòng kiên cố	5	5	5	5	5
2	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0
III	Thư viện	1	1	1	1	1
IV	Các công trình, khối phòng chức năng khác	0	0	0	0	0
	Cộng	46	51	52	53	53

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá: tháng 9 năm 2023

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	1	1			1		
Phó hiệu trưởng	2	2			1	1	
Giáo viên	70	60	2	5	63	2	
Nhân viên	8	5		1	7		

Cộng	81	68	2	6	72	3	
-------------	-----------	-----------	----------	----------	-----------	----------	--

b) Số liệu của 5 năm gần đây:

TT	Số liệu	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024
1	Tổng số giáo viên	62	64	68	68	69
2	Tỷ lệ giáo viên/lớp	1,13	1,14	1,19	1,19	1,23
3	Tỷ lệ giáo viên/học sinh	0,03	0,03	0,03	0,02	0,03
4	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương	1	1	0	5	5
5	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có)	1	1	0	2	0
6	Các số liệu khác (nếu có)	0	0	0	0	0

4. Học sinh:**a) Số liệu chung**

TT	Số liệu	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024
1	Tổng số học sinh	2387	2459	2551	2528	2444
	Nữ	1162	1187	1245	1216	1176
	Dân tộc	44	38	38	34	31
	- Khối lớp 1	479	593	525	566	553
	- Khối lớp 2	600	444	560	470	524
	- Khối lớp 3	474	591	437	521	449
	- Khối lớp 4	386	451	579	413	507
	- Khối lớp 5	448	359	398	469	441
2	Tổng số tuyển mới	471	582	515	561	545
3	Học 2 buổi/ngày	0	0	0	0	0
	Bán trú	0	0	0	0	0
5	Nội trú	0	0	0	0	0
6	Bình quân số học sinh /lớp	43,4	43,9	44,8	44,3	43,6

7	Số lượng và tỉ lệ % đi học đúng độ tuổi	439/459 95,64%	559/576 97,04%	493/509 96,85%	478/522 91,57%	515/524 98,3%
8	Tổng số học sinh giỏi cấp tỉnh	0	0	0	0	0
9	Tổng số học sinh / giỏi quốc gia	0	0	0	0	0
10	Tổng số học sinh thuộc đối tượng chính sách	45	39	62	17	39
11	Tổng số học sinh (trẻ em) khuyết tật,có hoàn cảnh đặc biệt.	28	29	27	28	27

b) Công tác phổ cập giáo dục tiểu học và kết quả giáo dục (đối với tiểu học)

Số liệu	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024
Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1	100%	100%	100%	100%	100%
Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học	99,2%	99,4%	99,6%	99,3%	99,5%
Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học	97.73%	96.28%	99.54%	97.82%	94.81%
Tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học	0.45%	1.59%	0.46%	2.18%	5.18%

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ:

1. Tình hình chung của nhà trường

- Loại hình: Công lập

- Năm thành lập: Trường Tiểu học Bình Triệu được thành lập theo Quyết định số 467/QĐ-UB ngày 01 tháng 6 năm 2004 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức. Tại thời điểm tháng 04 năm 2020, trường có tổng diện tích đất là 7398m², bao gồm 56 lớp với 2486 học sinh, cả 56/56 lớp học 1 buổi/ngày; tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên là 92 người.

Hằng năm, kinh phí chi cho các hoạt động thường xuyên được đảm bảo đầy đủ từ ngân sách do Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức phê duyệt. Nhân sự của trường đảm bảo đủ số lượng và chất lượng hoạt động hiệu quả. Chi bộ thể hiện tốt vai trò lãnh đạo của Đảng trong nhà trường. Đội ngũ giáo viên có năng lực chuyên môn, yêu nghề, ham học hỏi, hết lòng vì học sinh.

Nhà trường thực hiện dạy học theo chương trình giáo dục phổ thông 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường có dạy học tiếng Anh với hai loại hình TA tăng cường dành cho lớp 3,4,5 và loại hình tự chọn cho học sinh lớp 1,2; dạy Tin học cho 100% học sinh từ khối Một đến khối lớp Năm. Trường luôn đảm bảo chất lượng giáo dục học sinh tiểu học, nhiều năm liên tiếp tỷ lệ học sinh lên lớp đạt trên 99%, hoàn thành chương trình tiểu học đạt 100%. Nhờ thực hiện tốt công tác quản lý nên suốt 5 năm học vừa qua không có trường hợp học sinh bỏ học. Ngoài việc giảng dạy văn hóa, nhà trường còn chú ý giáo dục học sinh phát triển toàn diện thông qua việc rèn luyện các môn năng khiếu, rèn kỹ năng sống cho học sinh.

Với những nỗ lực của đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong suốt 5 năm học qua, chất lượng giáo dục về mọi mặt được nâng lên rõ rệt, tạo được sự tin nhiệm của cha mẹ học sinh đối với nhà trường. Trường đạt danh

hiệu Tập thể Lao động xuất sắc (từ năm học 2017-2018 đến 2023-2024). Công đoàn đạt danh hiệu hoàn thành tốt, Chi đoàn hoàn thành xuất sắc và **Đội** Thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh nhiều năm liền giữ vững danh hiệu Liên đội xuất sắc;

Trong giai đoạn hiện nay, với xu hướng hội nhập quốc tế, đòi hỏi nhà trường phải xác định cụ thể các tiêu chí phấn đấu nhằm đảm bảo yêu cầu ngày càng cao về chất lượng giáo dục. Nhà trường hướng tới mục tiêu: Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục, là mô hình giáo dục tiên tiến, hiện đại phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại. Xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại để phục vụ tốt việc dạy và học theo hướng đổi mới. Tích cực ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và dạy học, hình thành văn hóa nhà trường, tạo môi trường thân thiện để học sinh cảm nhận được mỗi ngày đến trường là một ngày vui. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh. Xây dựng cho học sinh ý thức tự học, khả năng suy luận, hoạt động tự chủ và độc lập. Giáo dục học sinh kỹ năng sống, biết đoàn kết, chia sẻ với tập thể, với cộng đồng.

Trong quá trình hình thành và phát triển, nhà trường nhận được sự quan tâm của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức, Phòng Giáo dục và Đào tạo, cấp ủy Đảng, chính quyền, nhân dân phường Hiệp Bình Chánh, sự quan tâm phối hợp chặt chẽ của Ban đại diện cha mẹ học sinh. Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường trẻ, năng động, đoàn kết, phấn đấu vì mục tiêu, nhiệm vụ chung. Chi bộ Đảng của trường luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm, có năng lực tập hợp quần chúng. Các đoàn thể hoạt động tốt, hỗ trợ đắc lực trong mọi hoạt động của nhà trường.

Với yêu cầu ngày càng cao về chất lượng, đảm bảo các tiêu chuẩn cần đạt theo quy định của Thông tư 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học, Trường Tiểu học Bình

Triệu đã tiến hành thực hiện quy trình tự đánh giá kiểm định chất lượng đơn vị theo quy định.

2. Mục đích tự đánh giá

Kiểm định chất lượng giáo dục cơ sở giáo dục phổ thông nhằm giúp Trường Tiểu học Bình Triệu xác định mức độ đáp ứng mục tiêu giáo dục, để xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục, nâng cao chất lượng các hoạt động giáo dục; thông báo công khai với các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng của Trường Tiểu học Bình Triệu; để cơ quan quản lý nhà nước đánh giá và công nhận cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

Trong quá trình tự đánh giá nhà trường tự xem xét, tự kiểm tra, chỉ ra các điểm mạnh, điểm yếu của từng tiêu chí, xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng và các biện pháp thực hiện để đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành nhằm không ngừng cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục.

- **Phạm vi tự đánh giá:** Toàn bộ các hoạt động giáo dục của nhà trường theo từng tiêu chí trong tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

- **Lí do tự đánh giá:** Tự đánh giá để xác định những tiêu chuẩn đã đạt, những tiêu chuẩn chưa đạt. Qua đó nhà trường đề ra những giải pháp, biện pháp để phấn đấu đạt đủ Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường tiểu học để trường đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục mức độ 1.

- Quy trình tự đánh giá

Quy trình tự đánh giá của nhà trường, bao gồm các bước sau:

1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá.
2. Xác định mục đích, phạm vi tự đánh giá.
3. Xây dựng kế hoạch tự đánh giá.
4. Thu thập, xử lý và phân tích các thông tin, minh chứng.
5. Đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí.
6. Viết báo cáo tự đánh giá.

7. Công bố báo cáo tự đánh giá.

- Phương pháp và công cụ đánh giá

+ Các nhóm công tác nghiên cứu và quán triệt tốt các tiêu chuẩn mình phụ trách, rà soát các hoạt động liên quan đến từng tiêu chí; phân tích và xác định minh chứng cần thu thập; thu thập minh chứng, ... Viết phiếu tự đánh giá, tìm minh chứng theo phụ lục hướng dẫn. Các bộ phận liên quan hỗ trợ để hoàn thành nhiệm vụ theo kế hoạch.

+ Công cụ đánh giá: Sử dụng tiêu chí đánh giá chất lượng giáo dục trường tiểu học theo Thông tư 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt tiêu chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá

Trong quá trình tự đánh giá, hội đồng tự đánh giá của nhà trường đã triển khai đầy đủ các thông tư, công văn liên quan công tác kiểm định chất lượng giáo dục đến toàn thể các thành viên trong Hội đồng giáo dục nhà trường, yêu cầu các bộ phận, đoàn thể, cá nhân phối hợp cùng thực hiện Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học.

Hội đồng tự đánh giá nhà trường được thành lập theo Quyết định số 62/QĐ-TiHBT, ngày 15 tháng 4 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Tiểu học Bình Triệu gồm có 15 thành viên.

- Thời điểm lập kế hoạch: Tháng 3 năm 2024
- Những điều chỉnh, bổ sung đối với kế hoạch
- Xây dựng kế hoạch tự đánh giá: Hội đồng tự đánh giá xây dựng kế hoạch tự đánh giá do chủ tịch hội đồng tự đánh giá phê duyệt gồm các nội dung:
 - + Mục đích và phạm vi tự đánh giá.
 - + Phân công nhiệm vụ cho từng thành viên hội đồng tự đánh giá.

+ Tập huấn nghiệp vụ tự đánh giá cho hội đồng tự đánh giá và cán bộ, giáo viên, nhân viên.

+ Dự kiến các nguồn lực và thời điểm cần huy động.

+ Dự kiến các minh chứng cần thu thập cho từng tiêu chí.

+ Xác định thời gian thực hiện cho từng hoạt động.

- Từ ngày 15 tháng 3 đến ngày 05 tháng 4 năm 2024: Thu thập, xử lý và phân tích các thông tin, minh chứng. Từng thành viên trong hội đồng tự đánh giá thực hiện theo nhiệm vụ được phân công, thu thập, xử lý và phân tích các thông tin, minh chứng phù hợp với yêu cầu của các chỉ số trong từng tiêu chí của mỗi tiêu chuẩn.

- Từ ngày 06 tháng 4 đến ngày 10 tháng 4 năm 2024: Đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí, từng nhóm công tác hoặc cá nhân được phân công thực hiện viết các phiếu đánh giá và đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí.

- Từ ngày 10 tháng 4 đến ngày 14 tháng 4 năm 2024: Viết báo cáo tự đánh giá. Kết quả tự đánh giá được trình bày dưới dạng một bản báo cáo theo cấu trúc và hình thức thống nhất theo quy định của hướng dẫn do nhóm thư ký thực hiện. Nội dung cơ bản của các phiếu đánh giá tiêu chí đã được hội đồng tự đánh giá chấp thuận, được dùng để viết báo cáo tự đánh giá.

- Từ ngày 15 tháng 4 đến ngày 17 tháng 4 năm 2023: Dự thảo báo cáo tự đánh giá được lấy ý kiến góp ý của cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường. Hội đồng tự đánh giá nghiên cứu các ý kiến thu được để hoàn thiện báo cáo.

- Từ ngày 20 tháng 4 đến ngày 24 tháng 4 năm 2023: Báo cáo tự đánh giá do Hiệu trưởng xem xét, phê duyệt sau khi đã được hội đồng tự đánh giá thông qua.

- Từ ngày 27 tháng 4 đến ngày 29 tháng 4 năm 2023: Công bố báo cáo tự đánh giá. Hiệu trưởng nhà trường công bố công khai, rộng rãi báo cáo tự đánh giá sau khi đã hoàn thiện. Báo cáo tự đánh giá, các hồ sơ có liên quan và các minh chứng được lưu trữ trong một chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục.

Vào đầu tháng 5 năm 2024 nhà trường hoàn thành báo cáo tự đánh giá.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu:

Cơ cấu tổ chức và quản lý nhà trường hoàn chỉnh theo quy định của Điều lệ trường Tiểu học và một số quy định khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Hội đồng trường được thành lập đúng quy định. Trường có chi bộ Đảng, tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, có cán bộ quản lý, các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các bộ phận khác. Nhà trường có đầy đủ cơ cấu tổ chức, bộ máy nhà trường hoạt động ngày càng hiệu quả. Chiến lược phát triển nhà trường được xây dựng phù hợp với các nguồn lực của nhà trường và được công bố công khai.

Trường học có tổ chức và quản lý hiệu quả mọi kế hoạch hoạt động trong nhà trường. Thực hiện tốt việc ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường. Các kế hoạch được tổ chức một cách khoa học và thường xuyên được theo dõi, kiểm tra, đánh giá một cách chính xác, công bằng, công khai, dân chủ. Đồng thời bên cạnh đó có kế hoạch bồi dưỡng để các giáo viên, nhân viên trong trường nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, quản lý giáo dục và trình độ lý luận chính trị.

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1:

a) Phù hợp mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên

các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo.

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Nhà trường có xây dựng phương hướng chiến lược và phát triển giai đoạn 2017-2022 là xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục theo mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp xu thế phát triển của đất nước và thời đại, phù hợp mục tiêu giáo dục tiểu học; phù hợp với định hướng phát triển kinh tế xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực thực tế của nhà trường [H1-1.1-01]

b) Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2018-2023 được Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Thủ Đức phê duyệt **ngày 15 tháng 11 năm 2018** [H1-1.1-01].

c) Nội dung chiến lược phát triển của nhà trường được công bố công khai trong Hội đồng sư phạm và trên website *thbinhtrieu.hcm.edu.vn* [H1-1.1-01].

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhưng chưa có sự tham gia nhiệt tình của cha mẹ học sinh và cộng đồng **[H1-1.1-01]**.

Mức 3:

Nhà trường tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nhưng chưa có sự tham gia nhiệt tình của cha mẹ học sinh và cộng đồng [H1-1.1-01].

2. Điểm mạnh:

Phương hướng, chiến lược và phát triển nhà trường giai đoạn 2017-2022 được xây dựng phù hợp và được công bố công khai trong tất cả cán bộ, giáo viên, nhân viên và cha mẹ học sinh trong nhà trường.

Cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh chấp hành đúng Nghị quyết Đại hội Đảng bộ các cấp về định hướng phát triển kinh tế - xã hội của chính quyền địa phương và cơ quan quản lý giáo dục các cấp.

3. Điểm yếu:

Chưa có sự tham gia nhiệt tình của cha mẹ học sinh và cộng đồng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Năm học 2019-2020 và các năm học tiếp theo, Hiệu trưởng tiếp tục thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2017- 2022.

Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng tăng cường công tác kiểm tra và đề ra các biện pháp giám sát cụ thể hơn; vận động cha mẹ học sinh và cộng đồng tham gia tích cực công tác xã hội hóa giáo dục.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường và các Hội đồng khác

Mức 1:

- a) Được thành lập theo quy định;
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định.
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) **Hội đồng trường Trường Tiểu học Bình Triệu nhiệm kỳ 2018-2023 được thành lập theo Quyết định số 250/QĐ-GDDT-TC của Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo quận Thủ Đức ký ngày 28 tháng 12 năm 2018 [H1-1.2-01]; [H1-1.2-02].**

Vào đầu năm học, hiệu trưởng thành lập Hội đồng thi đua khen thưởng, Hội đồng chăm sóc kiến, ... theo Điều lệ của trường tiểu học [H1-1.2-03]; [H1-1.2-04]; [H1-1.2-05].

b) Hội đồng trường hoạt động hiệu quả, thực hiện đúng quy định các chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo Điều 23 Điều lệ trường Tiểu học, góp phần thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị của nhà trường, từng bước nâng cao chất lượng giáo dục. Các hội đồng khác thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn trong việc tham mưu, đề xuất cho hiệu trưởng trong các công tác có liên quan theo quy định tại Điều 24 Điều lệ trường tiểu học [H1-1.2-06].

c) **Hoạt động của Hội đồng trường thông qua các buổi họp định kỳ trong năm, giải quyết những vấn đề phát sinh** trong quá trình thực hiện nhiệm vụ; rà soát, giám sát việc sử dụng các nguồn lực dành cho nhà trường, gắn nhà trường với cộng đồng và xã hội, đảm bảo thực hiện mục tiêu giáo dục. Trong các buổi họp, các thành viên của Hội đồng trường và các hội đồng khác đều thực hiện việc đánh giá, rút kinh nghiệm những việc đã làm; thảo luận, bàn bạc và thông qua các vấn đề có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ [H1-1.2-06].

Mức 2:

Hội đồng trường và các hội đồng khác hoạt động hiệu quả, thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn trong việc tham mưu, đề xuất cho hiệu trưởng trong các công tác có liên quan. Các nội dung có liên quan đều được đưa

ra hội đồng thảo luận, bàn bạc và thông qua, đảm bảo nguyên tắc công khai, dân chủ, minh bạch góp phần cùng nhà trường thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị, góp phần đưa chất lượng giáo dục chung của trường được nâng cao. Một số thành viên trong Hội đồng trường chưa tích cực, mạnh dạn tham gia ý kiến xây dựng hoạt động của trường [H1-1.2-06].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường đảm bảo đúng cơ cấu tổ chức Hội đồng trường và các Hội đồng khác theo Điều lệ trường Tiểu học. Hội đồng trường và các Hội đồng khác đảm bảo chế độ, hoạt động tích cực, có nhiều sáng kiến nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

3. Điểm yếu:

Chưa có giải pháp hiệu quả giúp nhà trường khắc phục việc phụ huynh còn chậm trễ khi nộp hồ sơ tuyển sinh đầu cấp vào đầu năm học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Năm học 2019-2020 và các năm tiếp theo, Hội đồng trường tiếp tục thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định và định kỳ rà soát, đánh giá các hoạt động. Hiệu trưởng thành lập Hội đồng trường nhiệm kỳ 2022-2027 và hoạt động đúng theo quy định của Điều lệ trường Tiểu học.

Trong năm học 2019-2020 và các năm học tiếp theo, Hội đồng tuyển sinh của trường sẽ tìm biện pháp đôn đốc cha mẹ học sinh nộp hồ sơ đúng thời gian quy định.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1:

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;

b) Hoạt động theo quy định;

c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định: Tổ chức Công đoàn có 79 công đoàn viên trực thuộc Liên đoàn Lao động quận Thủ Đức hoạt động theo Điều lệ Công đoàn [H1-1.3-01]. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có 15 đoàn viên trực thuộc Đoàn phường Hiệp Bình Chánh, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Chi bộ Đảng để tổ chức mọi hoạt động cho đoàn viên và hướng dẫn Liên đội thực hiện các hoạt động tập thể như văn nghệ, thể dục, thể thao, các phong trào thi đua, các cuộc thi do Hội đồng Đội tổ chức,..... Ban chấp hành Chi đoàn có 5 thành viên do Đoàn phường chuẩn y [H1-1.3-02]. **Liên đội Trường Tiểu học Bình Triệu gồm 19 chi đội với 500 đội viên và 1860 Sao Nhi đồng dưới sự hướng dẫn của Tổng phụ trách Đội [H1-1.3-03].**

Nhà trường còn có hoạt động của hội Chữ thập đỏ trực thuộc Hội Chữ thập đỏ quận Thủ Đức [H1-1.3-04].

b) Các đoàn thể và các hội đồng trong nhà trường hoạt động đúng theo quy định: Công đoàn hoạt động theo Điều lệ Công đoàn Việt Nam. Chi đoàn

hoạt động theo Điều lệ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. Liên Đội hoạt động theo Điều lệ Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh. [H1-1.3-05]; [H1-1.3-06].

c) Hằng năm, các hoạt động của các tổ chức, đoàn thể trong trường rút kinh nghiệm, đánh giá ưu khuyết điểm, đề ra các giải pháp khắc phục những mặt còn tồn tại để các hoạt động tiếp theo đạt hiệu quả cao hơn và được thể hiện trong kết quả thi đua hàng năm của nhà trường [H1-1.3-05]; [H1-1.3-06].

Mức 2:

a) Trường có tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, **chi bộ được thành lập theo Quyết định số 50/QĐ-ĐU ngày 29 tháng 5 năm 2006 của Đảng bộ Phường Hiệp Bình Chánh, Quận Thủ Đức**. Chi bộ Trường Tiểu học Bình Triệu sinh hoạt độc lập, **hiện nay có 32 đảng viên (gồm 03 cán bộ quản lý và 29 giáo viên, nhân viên của trường)**, trực thuộc Đảng bộ phường Hiệp Bình Chánh; Hiệu trưởng làm Bí thư Chi bộ; cơ cấu cấp ủy gồm 3 đồng chí. [H1-1.3-07]; [H1-1.3-08]; [H1-1.3-09].

Chi bộ Đảng sinh hoạt định kì theo đúng Điều lệ Đảng nhằm thực hiện đánh giá kết quả đạt được trong công tác chỉ đạo và đề ra những nhiệm vụ định hướng hoạt động của chính quyền và các tổ chức đoàn thể theo đúng đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước [H1-1.3-10]; [H1-1.3-11].

Hoạt động Chi bộ đúng quy định theo nhiệm kỳ. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá hoàn thành tốt và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. [H1-1.3-12].

b) Các tổ chức Công đoàn, Chi đoàn và Liên đội tham gia tích cực trong các hoạt động nhằm hoàn thành nhiệm vụ chung của nhà trường như công tác tuyên truyền, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật; sinh hoạt ý nghĩa các ngày lễ lớn; tổ chức các hoạt động đền ơn đáp nghĩa; tổ chức các hoạt động chào mừng các ngày lễ lớn trong tháng,...[H1-1.3-05]; [H1-1.3-06]; [H1-1.3-13].

Mức 3:

a) **Trong 2023 chi bộ trường Tiểu học Bình Triệu được đánh giá, xếp loại Hoàn thành tốt nhiệm vụ [H1-1.3-12].**

b) Các tổ chức Công đoàn, Chi đoàn, Liên đội tham gia đóng góp ý kiến, tham mưu, đề xuất vào các kế hoạch và tích cực tham gia vào các hoạt động của nhà trường. **Các hoạt động của nhà trường đạt hiệu quả cao. Vì vậy trong nhiều năm liền trường luôn giữ vững thành tích tập thể lao động tiên tiến - xuất sắc.** Tuy nhiên các đoàn thể, tổ chức có đóng góp hiệu quả trong các hoạt động nhà trường nhưng chưa đạt hiệu quả ở phạm vi cộng đồng. [H1-1.3-05]; [H1-1.3-06]; [H1-1.3-14].

2. Điểm mạnh:

Chi bộ trường đạt danh hiệu “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ”, tạo nguồn giới thiệu hai Đoàn viên học lớp nhận thức về Đảng. **Chi bộ đã hoàn thành xuất sắc công tác phát triển đảng nhiều năm liền, đạt chỉ tiêu được giao (2 đảng viên/ năm); được khen thưởng Chi bộ hoàn thành xuất sắc việc Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh; Chi bộ hoàn thành xuất sắc công tác Dân vận khéo.**

Các đoàn thể và tổ chức trong nhà trường có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định của Điều lệ trường Tiểu học; đóng góp tích cực, đạt hiệu quả, phối hợp chặt chẽ với nhà trường trong các hoạt động.

Các tổ chức xã hội khác hoạt động theo qui định của pháp luật và điều lệ của từng tổ chức giúp nhà trường thực hiện mục tiêu giáo dục.

3. Điểm yếu:

Hoạt động của các đoàn thể, tổ chức chưa đạt hiệu quả ở phạm vi cộng đồng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Trong năm học 2023-2024, Hiệu trưởng tiếp tục duy trì cơ cấu tổ chức bộ máy đầy đủ đúng theo quy định của Điều lệ trường tiểu học. Chi bộ tiếp tục theo dõi, bồi dưỡng, **giúp đỡ 02 quần chúng ưu tú để phát triển đảng.**

Trong năm học 2019- 2020 và các năm học tiếp theo, các đoàn thể và tổ chức trong nhà trường xây dựng các giải pháp cụ thể trong Quy chế làm việc nhằm nâng cao chất lượng hoạt động đạt hiệu quả ở phạm vi cộng đồng.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1:

- a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;*
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;*
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.*

Mức 2:

- a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;*
- b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.*

Mức 3:

- a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường;*
- b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.*

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Trường có Hiệu trưởng và 2 Phó Hiệu trưởng đủ số lượng theo quy định tại Khoản 1 Điều 21 của Điều lệ trường Tiểu học và Khoản 2 Điều 6 Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 7 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm. Tất cả đều có quyết định bổ nhiệm của Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức. [H1-1.4-01]

b) Các tổ chuyên môn và tổ văn phòng được thành lập theo quy định tại Điều 18 và Điều 19 của Điều lệ trường tiểu học. Hiện tại, trường có 6 tổ chuyên môn gồm: tổ khối 1, tổ khối 2, tổ khối 3, tổ khối 4, tổ khối 5, tổ bộ môn Tiếng Anh và 1 tổ văn phòng. Các thành viên trong tổ chuyên môn, tổ văn phòng biên

chế đủ theo quy định. Mỗi tổ đều có tổ trưởng và tổ phó theo Khoản 1 Điều 18 của Điều lệ trường tiểu học [H1-1.4-02]; [H1-1.4-03]; [H1-1.4-04].

c) Các tổ chuyên môn và tổ văn phòng đều xây dựng kế hoạch hoạt động đầy đủ theo quy định [H1-1.4-05]; [H1-1.4-06]. Các tổ đều thực hiện sinh hoạt định kì 02 tuần/lần. Sổ ghi chép nội dung các cuộc họp của tổ chuyên môn thể hiện đầy đủ ý kiến đóng góp [H1-1.4-07].

Tổ chuyên môn thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ theo quy định tại Khoản 2, Điều 18 của Điều lệ trường Tiểu học, như xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ theo năm học, tháng, tuần nhằm thực hiện chương trình, kế hoạch dạy học và hoạt động giáo dục [H1-1.4-05]; thực hiện bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ; kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả giảng dạy, giáo dục và quản lý sử dụng sách, thiết bị của các thành viên trong tổ theo kế hoạch của nhà trường [H1-1.4-09]; tham gia đánh giá, xếp loại giáo viên theo quy định Chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học [H1-1.4-10].

Tổ văn phòng thực hiện đúng chức năng theo Điều 19 của Điều lệ trường tiểu học như xây dựng kế hoạch hoạt động chung của tổ [H1-1.4-06]; giúp Hiệu trưởng thực hiện nhiệm vụ quản lý tài chính, tài sản và hạch toán tài chính theo quy định [H1-1.4-11]; quản lý học vụ [H1-1.4-12]; bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả công việc của các thành viên trong tổ; tham gia đánh giá, xếp loại viên chức [H1-1.4-13].

Mức 2:

a) Nhằm nâng cao hiệu quả công tác giảng dạy, giáo dục các tổ chuyên môn đã thực hiện ít nhất 02 chuyên đề, thao giảng trong năm học [H1-1.4-14].

Bảng thống kê số chuyên đề, thao giảng từng năm học

Số lượng	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
Chuyên đề	7	9	9	10	10
Thao giảng	8	9	10	12	9

b) Hoạt động của các tổ chuyên môn được thực hiện theo đúng chức năng, nhiệm vụ được giao; thường xuyên thực hiện việc đánh giá, rút kinh nghiệm kết quả thực hiện nhiệm vụ trong sinh hoạt chuyên môn định kỳ 2 lần/ tháng để từ đó tiếp tục triển khai những nhiệm vụ tiếp theo. Cán bộ quản lý tham dự các buổi sinh hoạt chuyên môn của các tổ chuyên môn, nắm bắt thông tin để kịp thời định hướng, chỉ đạo các hoạt động của các tổ chuyên môn trong quá trình thực hiện nhiệm vụ [H1-1.4-07].

Mức 3:

a) Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, các tổ chuyên môn và tổ văn phòng đã có những hoạt động hiệu quả như xây dựng và thực hiện kế hoạch; phối hợp với các tổ chức trong nhà trường triển khai thực hiện các phong trào thi đua dạy tốt - học tốt; bồi dưỡng tay nghề cho các thành viên trong tổ; tham mưu cho hiệu trưởng; góp phần cùng nhà trường thực hiện nhiệm vụ chính trị tại đơn vị và công tác giáo dục tại trường [H1-1.4-14]. Biên bản họp của tổ văn phòng chỉ ghi nhận sự vụ, sự việc chưa thể hiện đầy đủ và cụ thể.

b) Các hoạt động chuyên đề của tổ chuyên môn được tổ chức trong năm học đạt hiệu quả góp phần nâng cao chất lượng giáo dục [H1-1.4-14].

2. Điểm mạnh:

Trường đảm bảo cơ cấu tổ chức theo quy định. Các tổ hoạt động hiệu quả, thực hiện tốt nhiệm vụ của tổ theo quy định.

Các tổ chuyên môn đã tổ chức tốt các chuyên đề, từ đó cùng nhà trường thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị góp phần nâng cao chất lượng giáo dục chung.

3. Điểm yếu:

Biên bản họp của tổ văn phòng chỉ ghi nhận sự vụ, sự việc chưa thể hiện đầy đủ và cụ thể.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Từ năm học 2019-2020, **Lãnh đạo nhà trường** đề ra các biện pháp đổi mới chất lượng sinh hoạt tổ chuyên môn, triển khai, chỉ đạo các tổ chuyên môn rút kinh nghiệm những mặt hạn chế, đề ra các giải pháp khắc phục góp phần nâng

cao các hoạt động giáo dục trong nhà trường; cán bộ quản lý quan tâm, hướng dẫn cụ thể việc ghi nhận nội dung buổi họp, hướng giải quyết hạn chế cần khắc phục của tổ văn phòng và những đề xuất cần thiết đối với cấp trên trong biên bản các buổi họp; tổ chuyên môn, tổ văn phòng tiếp tục duy trì nề nếp sinh hoạt chuyên môn theo quy định, chú trọng nâng cao chất lượng, nội dung sinh hoạt chuyên môn và giúp đỡ giáo viên mới về phương pháp, kinh nghiệm giảng dạy.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1

Tiêu chí 1.5: Khối lớp và tổ chức lớp học

Mức 1:

- a) Có đủ các khối lớp cấp tiểu học;*
- b) Học sinh được tổ chức theo lớp học; lớp học được tổ chức theo quy định;*
- c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.*

Mức 2:

- a) Trường có không quá 30 (ba mươi) lớp;*
- b) Sĩ số học sinh trong lớp theo quy định;*
- c) Tổ chức lớp học linh hoạt và phù hợp với các hình thức hoạt động giáo dục.*

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

- a) Trường có đủ các khối lớp từ lớp 1 đến lớp 5 theo quy định của Điều lệ trường Tiểu học. **Mỗi lớp học, đều có giáo viên dạy nhiều môn làm chủ nhiệm lớp và có đủ giáo viên dạy bộ môn: Mỹ thuật, Thể dục, Tin học, Tiếng Anh [H1-1.4-04].**

- b) Học sinh được tổ chức theo lớp học; lớp học được tổ chức theo quy định. Mỗi lớp học đều có một lớp trưởng và hai lớp phó; mỗi lớp học được chia thành 4 tổ học sinh; mỗi tổ có tổ trưởng, tổ phó nhằm thúc đẩy hoạt động học tập và phong trào của lớp đạt hiệu quả cao **[H1-1.5-04].**

c) Lớp học được hoạt động trên nguyên tắc tự quản, dân chủ. Mỗi lớp bầu Hội đồng tự quản thực hiện nhiệm vụ quản lớp; các hoạt động của lớp đều có sự tham gia góp ý và thống nhất của học sinh trong lớp [H1-1.5-04].

Mức 2:

Số liệu học sinh năm học 2023-2024 như sau:

Khối lớp	Tổng số lớp	Tổng số học sinh	Trung bình học sinh của mỗi lớp	Số lớp vượt 35 em/lớp
Một	12	553	46.1 em/lớp	12
Hai	12	524	43.7 em/lớp	12
Ba	11	449	40.8 em/lớp	11
Bốn	12	507	42.3 em/lớp	12
Năm	9	411	44.1 em/lớp	9
Tổng cộng	56	2444	43.6 em/lớp	56

a) Năm học 2023-2024, trường có 56 lớp từ lớp 1 đến lớp 5 đều học 1 buổi/ngày. Số lớp của trường vượt quy định [H1-1.5-05].

b) Sĩ số học sinh chưa đảm bảo theo quy định của Điều lệ trường Tiểu học, sĩ số bình quân ở mỗi lớp là **43.6** học sinh [H1-1.5-02].

c) Sĩ số học sinh mỗi lớp cao nên việc tổ chức các hoạt động học tập trong lớp học còn gặp nhiều khó khăn như di chuyển học theo nhóm [H1-1.5-05].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có đủ các lớp của cấp học từ lớp 1 đến lớp 5. Học sinh được tổ chức theo lớp, lớp học được tổ chức theo quy định. Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản.

Ban cán sự lớp hoạt động tốt dưới sự hướng dẫn của giáo viên chủ nhiệm, thúc đẩy phong trào học tập và thi đua của lớp đạt kết quả cao.

3. Điểm yếu:

Sĩ số học sinh 43.6 em/lớp, vượt quá quy định tại Điều 17 của Điều lệ trường Tiểu học.

Sĩ số học sinh ở mỗi lớp còn cao nên việc tổ chức các hoạt động học tập theo nhóm trong lớp học gặp nhiều khó khăn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Từ năm học 2019-2020, Hiệu trưởng tiếp tục tham mưu với lãnh đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Thủ Đức có kế hoạch điều chỉnh số lượng học sinh theo đúng quy định; Phó hiệu trưởng tư vấn, hướng dẫn giáo viên tổ chức các hoạt động học tập phù hợp với điều kiện tình hình thực tế nhằm đảm bảo các hoạt động dạy học theo quy định.

Trong năm học 2023-2024 và các năm học tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục duy trì đủ các lớp của cấp học, tổ chức học sinh lớp theo quy định. Đảm bảo hoạt động của các lớp học theo nguyên tắc tự quản.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

- a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;*
- b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và cơ sở vật chất; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;*
- c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.*

Mức 2:

- a) Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;*

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3:

Có kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Trường thực hiện tốt các loại hồ sơ, sổ sách nhằm phục vụ cho hoạt động giáo dục như sổ chủ nhiệm [H1-1.5-04]; sổ đăng bộ [H1-1.6-01]; Hồ sơ phổ cập giáo dục tiểu học [H1-1.6-02]; học bạ [H1-1.6-03]; sổ Nghị quyết họp Hội đồng sư phạm nhà trường [H1-1.6-04]; chương trình ePMIS, VPN [H1-1.6-05]; sổ quản lý tài sản, theo dõi công cụ, dụng cụ [H1-1.6-06]; sổ công văn đến [H1-1.6-07]; sổ công văn đi [H1-1.6-08]. 100% các loại hồ sơ được cập nhật đầy đủ, đúng tiến độ, chính xác.

b) Trường thực hiện lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và cơ sở vật chất đúng theo quy định. Định kỳ hàng tháng, học kỳ, cuối năm và thực hiện công khai tài chính trong Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, người lao động [H1-1.6-09], họp Hội đồng sư phạm và niêm yết ở bản thông báo để toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên biết, tham gia giám sát, kiểm tra [H1-1.6-10]. Quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường luôn được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành, được Hội đồng sư phạm nhà trường đóng góp ý kiến và thống nhất thực hiện [H1-1.6-11].

c) Công tác quản lý, sử dụng tài chính và tài sản được trường thực hiện theo đúng quy định, đúng mục đích nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giáo dục tại trường; quan tâm đến công tác mua sắm các trang thiết bị và cơ sở vật chất để phục vụ cho hoạt động giáo dục [H1-1.6-06].

Mỗi năm học, trường sử dụng kinh phí hợp lý, hiệu quả và huy động được nguồn kinh phí cho các hoạt động giáo dục. Sử dụng kinh phí ngân sách theo dự toán kinh phí được duyệt theo quy định hiện hành. Hằng năm, trường có lập dự

toán kinh phí ngân sách được phân bổ theo quy định; dự toán kinh phí cụ thể và hợp lý cho các mục, khoản, ... có sự kiểm tra và xét duyệt của Phòng Kế hoạch - Tài chính và Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Thủ Đức. Quản lý tài chính của trường theo chế độ quy định hiện hành [H1-1.4-11].

Mức 2:

a) Công tác ứng dụng công nghệ thông tin được nhà trường triển khai và thực hiện hiệu quả trong việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản. Trường thường xuyên thực hiện cập nhật trang thông tin điện tử; sử dụng phần mềm IMAS của kế toán; phần mềm quản lý nhân sự trực tuyến ePMIS, phần mềm VPN quản lý nhân sự của Sở Nội vụ; Cơ sở dữ liệu ngành, hệ thống thông tin quản lý giáo dục Quảng Ích theo dõi, đánh giá chất lượng học sinh [H1-1.6-12];

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, trường không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản [H1-1.4-11].

Mức 3:

Nhà trường chưa xây dựng kế hoạch dài hạn, trung hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

2. Điểm mạnh:

Nhà trường lưu trữ hồ sơ đầy đủ, khoa học phục vụ hoạt động giáo dục theo quy định của Điều lệ trường tiểu học. Các loại hồ sơ sổ sách quản lý được cập nhật kịp thời, rõ ràng, đáp ứng yêu cầu quản lý của nhà trường. Thực hiện nghiêm túc công khai và định kỳ hằng năm tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định. Quy chế chi tiêu nội bộ được xây dựng, bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành.

Việc sử dụng phần mềm kế toán Imis, phần mềm quản lý tài sản nhà nước trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản đạt hiệu quả.

3. Điểm yếu:

Nhà trường chưa xây dựng kế hoạch dài hạn, trung hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Bắt đầu từ năm học 2019-2020 và những năm học tiếp theo, Hiệu trưởng tiếp tục tăng cường chỉ đạo, kiểm tra, giám sát nhân viên văn thư trong việc thực hiện cập nhật, lưu trữ văn bản từ nơi ký nhận đến khâu tiếp nhận văn bản nhằm đảm bảo tính khoa học và hiệu quả theo quy định. Định kỳ hằng năm tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định. Tiếp tục ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường.

Trong năm học 2023-2024 và các năm học tiếp theo, Hiệu trưởng sẽ từng bước xây dựng kế hoạch trung hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1:

- a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;*
- b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả các hoạt động của nhà trường;*
- c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.*

Mức 2:

Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

- a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nhà trường có đủ trình độ, năng lực để triển khai và thực hiện tốt các hoạt động giáo dục. Hằng năm, nhà trường có xây dựng và thực hiện kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên, góp phần nâng cao trình độ tay nghề cho đội ngũ, nâng cao dần chất lượng giáo dục chung [H1-1.7-01].

b) Trường thực hiện tốt việc phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên hợp lý, rõ ràng. Việc phân công nhiệm vụ được thực hiện và công bố công khai trong buổi họp Hội đồng sư phạm nhà trường đầu năm và trong năm học. Nguyên tắc phân công dựa trên cơ sở năng lực, bằng cấp của từng cá nhân qua đó được hội đồng sư phạm đồng tình và đảm bảo được hiệu quả các hoạt động của nhà trường. [H1-1.4-04]; [H1-1.6-04]; [H1-1.7-02]; [H1-1.7-03].

c) Trường đảm bảo quyền lợi cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên theo đúng quy định tại Điều 35 Điều lệ trường tiểu học và các quy định của Luật Lao động; Luật Cán bộ, Công chức; Luật Viên chức; được hưởng lương và các chế độ đúng theo mã chức danh nghề nghiệp và bậc của từng người trong bảng lương. Nhà trường tạo điều kiện làm việc, động viên, khen thưởng kịp thời, tạo động lực cho nhân viên hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công [H1-1.7-04]; [H1-1.7-05].

Mức 2:

Nhà trường thực hiện việc phân công nhiệm vụ phù hợp với năng lực của từng cá nhân trong nhà trường. Đồng thời, nhà trường hướng dẫn, góp ý giáo viên trong quản lý lớp học tại các buổi họp Hội đồng sư phạm nhà trường, họp tổ chuyên môn; thực hiện các chuyên đề dạy học và tạo điều kiện cho cá nhân thực hiện và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, góp phần vào quá trình thực hiện nhiệm vụ chính trị của trường. Nhà trường có kế hoạch, tạo điều kiện cho cán bộ quản lý, giáo viên tham gia các lớp nâng cao trình độ chuyên môn, trình độ lý luận chính trị góp phần xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường, nhà trường vẫn còn 4 giáo viên chưa thực hiện việc nâng cao trình độ chuyên môn. Bên cạnh đó, nhà trường thường xuyên thực hiện việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ để có biện pháp điều chỉnh, bổ sung nội dung phù hợp [H1-1.6-04]; [H1-1.6-11]; [H1-1.7-01].

2. Điểm mạnh:

Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên nhà trường được đảm bảo việc phân công nhiệm vụ đầu năm phù hợp công tác chuyên môn nhằm phát huy

năng lực trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

Nhà trường xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên hằng năm, có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong nhà trường.

Trường thường xuyên thực hiện việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ để đề ra các biện pháp điều chỉnh, bổ sung nội dung phù hợp.

3. Điểm yếu:

Chất lượng hoạt động của bộ phận thiết bị chưa cao do nhân viên thư kiêm nhiệm công tác thiết bị.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Trong năm học 2023-2024 và các năm học tiếp theo, hiệu trưởng lập kế hoạch và tạo điều kiện cho nhân viên thư viện bồi dưỡng, trau dồi thêm nghiệp vụ thiết bị để nâng cao chất lượng hoạt động của bộ phận thiết bị.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch năm học, kế hoạch quản lý các hoạt động giáo dục trong giờ lên lớp và hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp phù hợp với quy định hiện hành. Các kế hoạch được xây dựng dựa trên các văn bản chỉ đạo của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh, Phòng Giáo dục và

Đào tạo quận Thủ Đức, phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường, điều kiện thực tế địa phương. Kế hoạch năm học được Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Thủ Đức phê duyệt trước khi triển khai đến Hội đồng sư phạm [H1-1.1-03]; [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02].

b) Kế hoạch năm học được thực hiện đầy đủ căn cứ theo Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học cấp tiểu học của Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Thủ Đức [H1-1.1-03]. Trường thực hiện kế hoạch giáo dục hàng năm, quản lý tốt các hoạt động giáo dục, phân công cụ thể nhiệm vụ cho từng cá nhân, bộ phận trong họp Hội đồng sư phạm đầu năm [H1-1.6-04]. Thực hiện tốt việc đánh giá từng hoạt động qua báo cáo sơ kết học kì I và báo cáo tổng kết hàng năm [H1-1.1-02]; [H1-1.8-03]. Thông qua kiểm tra nội bộ, nhà trường đã thực hiện đánh giá các hoạt động giáo dục của từng cá nhân, bộ phận và phát hiện những hạn chế còn tồn tại trong kết quả thực hiện nhiệm vụ giáo dục của từng cá nhân để từ đó rút kinh nghiệm sau mỗi lần kiểm tra [H1-1.4-09]; [H1-1.8-04].

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá rút kinh nghiệm trong các buổi họp Hội đồng sư phạm hàng tháng, họp tổ chuyên môn [H1-1.6-04].

Mức 2:

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ trong các hoạt động giáo dục, nhà trường đã được cơ quan quản lý cấp trên đánh giá đạt hiệu quả, hoàn thành tốt nhiệm vụ năm học và được công nhận danh hiệu Tập thể Lao động tiên tiến, Tập thể Lao động xuất sắc [H1-1.3-14]. Tuy nhiên, thời gian thực hiện nội dung đôi lúc chưa đúng theo kế hoạch đã đề ra.

2. Điểm mạnh:

Trường xây dựng và thực hiện tốt kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, tình hình thực tế của trường; thực hiện kịp thời việc đánh giá, sơ kết, tổng kết và giới thiệu hoạt động giáo dục tiêu biểu của trường.

3. Điểm yếu:

Thời gian thực hiện nội dung đôi lúc chưa đúng theo kế hoạch đã đề ra.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Từ năm học 2019-2020, dựa vào kế hoạch thực hiện nhiệm vụ của cấp trên, Hiệu trưởng xây dựng nội dung, thời gian thực hiện kế hoạch cho phù hợp.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Nhà trường xây dựng và thực hiện tốt quy chế dân chủ tại cơ sở, tạo điều kiện cho từng cá nhân trong nhà trường được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến trong các cuộc họp xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường [H1-1.9-01]. Thực hiện công khai đầy đủ: chiến lược phát triển nhà trường, tổng kết thi đua, tiêu chí thi đua, tài chính nhà trường... trong Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, người lao động hàng năm và các cuộc họp Hội đồng sư phạm [H1-1.6-04]; [H1-1.6-09]; [H1-1.6-10].

b) Các ý kiến và kiến nghị của cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường như chế độ lương, tham quan nghỉ dưỡng hè, thang điểm thi đua khen thưởng được thảo luận công khai, những thắc mắc được giải đáp cụ thể, hợp lý. Do đó, nhiều năm liên trường không có trường hợp đơn thư khiếu nại, tố cáo xảy ra [H1-1.3-05]; [H1-1.6-09].

c) Hằng năm, nhà trường thực hiện tốt việc báo cáo thực hiện quy chế dân chủ; đảm bảo nghiêm túc việc triển khai và thực hiện quy chế dân chủ tại cơ sở [H1-1.9-01].

Mức 2:

Thực hiện tốt quy chế dân chủ, nhà trường đã đề ra và thực hiện các biện pháp giám sát, đảm bảo tính công khai, minh bạch, hiệu quả. Tất cả nội dung đều được đưa ra Hội đồng sư phạm trường thảo luận và lấy ý kiến của cán bộ, giáo viên, nhân viên. Hằng năm, thông qua Ban thanh tra nhân dân tổ chức giám sát việc thực hiện các quy chế công khai, minh bạch và báo cáo cụ thể trong Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, người lao động. Một số nhân viên chưa mạnh dạn tham gia đóng góp ý kiến xây dựng hoạt động [H1-1.9-02].

2. Điểm mạnh:

Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến xây dựng kế hoạch, nội quy, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường. Việc thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở tạo mối đoàn kết để xây dựng nhà trường và các tổ chức đoàn thể ngày càng vững mạnh.

Nhiều năm liền, trường không có trường hợp đơn thư khiếu nại, tố cáo xảy ra.

3. Điểm yếu:

Một số nhân viên chưa mạnh dạn tham gia đóng góp ý kiến xây dựng hoạt động.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Từ năm học 2019-2020, Hiệu trưởng và Công đoàn cơ sở phối hợp để phát huy quyền dân chủ của cán bộ, giáo viên, nhân viên trong quá trình công tác; tăng cường công tác tuyên truyền, vận động, hướng dẫn nhân viên mạnh dạn đóng góp ý kiến vào nhiệm vụ phát triển của nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học.

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho học sinh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Đầu năm học, nhà trường xây dựng các phương án theo quy định như phương án chữa cháy và cứu nạn cứu hộ [H1-1.10-01]; xây dựng trường học an toàn, phòng chống tai nạn thương tích [H1-1.10-02]; phương án phòng chống ngộ độc thực phẩm [H1-1.10-03]; kế hoạch phòng, chống dịch bệnh sốt xuất huyết, tay, chân miệng [H1-1.10-04]; hợp đồng cung cấp thực phẩm, giấy phép đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm, xét nghiệm nước [H1-1.10-05]; hợp đồng cung cấp nước uống [H1-1.10-06]; kế hoạch tuyên truyền, phòng chống dịch bệnh học đường [H1-1.10-07]; hồ sơ khám sức khỏe học sinh [H1-1.10-08]; **kế hoạch kiểm tra bếp ăn bán trú và căn-tin nhà trường [H1-1.4-09].**

b) Trường có hộp thư góp ý đặt ở sảnh trước, công khai số điện thoại của Cán bộ quản lý đến cha mẹ học sinh, công khai lịch tiếp dân để kịp thời tiếp nhận, xử lý các thắc mắc của người dân. Trường cũng luôn chú trọng việc đảm bảo an toàn cho học sinh và cán bộ, giáo viên, nhân viên với các phương án, biện pháp thiết thực được xây dựng và triển khai cụ thể, phù hợp với tình hình, đặc điểm của địa phương; phối hợp chặt chẽ với công an địa phương thực hiện tốt việc đảm bảo an ninh trật tự trong và ngoài nhà trường [H1-1.10-01]; [H1-1.10-02]; [H1-1.10-09].

c) Nhà trường thường xuyên tuyên truyền giáo dục đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh thực hiện quy tắc ứng xử trong giao tiếp. Không có hiện tượng kỳ thị, vi phạm về giới, bạo lực trong nhà trường.

Mức 2:

a) Các phương án, kế hoạch về an ninh trật tự, vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng chống tai nạn, thương tích, đã được tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh trong các buổi họp hội đồng sư phạm, trong các buổi sinh hoạt chào cờ đầu tuần [H1-1.10-01]; [H1-1.10-02]; [H1-1.10-03]; [H1-1.10-04]. Trường cử cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tham gia tập huấn về vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; tham gia học và tập huấn về an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường.

b) Cán bộ quản lý thực hiện tốt công tác lãnh đạo, thường xuyên kiểm tra nhằm thu thập, đánh giá để đề ra các biện pháp xử lý những vấn đề có liên quan, nhất là các vấn đề về dịch bệnh, bạo lực học đường, an ninh trật tự, ... Đồng thời, nhà trường thường xuyên phối hợp chặt chẽ với công an địa phương và các lực lượng giáo dục ngoài trường để kịp thời nắm bắt thông tin và đề ra biện pháp xử lý [H1-1.10-02]; [H1-1.10-04]; [H1-1.10-09]. Tuy nhiên, trước công trường đôi lúc vẫn còn tình trạng buôn bán hàng rong vào đầu giờ học và giờ ra về.

2. Điểm mạnh:

Trường xây dựng kế hoạch và thực hiện tốt việc đảm bảo an ninh trật tự, an toàn cho học sinh và cho cán bộ, giáo viên, nhân viên; phòng chống bạo lực học đường, phòng chống dịch bệnh, phòng tránh các hiểm họa thiên tai, ...

Hiệu trưởng thường xuyên chỉ đạo bộ phận y tế trường học kiểm tra bếp ăn bán trú và căn-tin nhà trường theo kế hoạch kiểm tra nội bộ.

3. Điểm yếu:

Trước cổng trường đôi lúc vẫn còn tình trạng buôn bán hàng rong vào đầu giờ học và giờ ra về.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng :

Từ năm học 2019-2020 và các năm học tiếp theo, Hiệu trưởng phân công bộ phận bảo vệ thường xuyên nhắc nhở đối với các hàng quán buôn bán trước cổng trường; liên hệ với Ủy ban nhân dân, công an phường hỗ trợ giải quyết các điểm buôn bán trước cổng trường. Trong các tiết giáo dục tập thể, Tổng phụ trách, giáo viên chủ nhiệm thường xuyên giáo dục học sinh không mua hàng rong trước cổng trường để tránh gây ùn tắc giao thông. Trường tiếp tục xây dựng và thực hiện tốt việc đảm bảo an ninh trật tự, an toàn cho học sinh và cán bộ, giáo viên, nhân viên; phòng chống bạo lực học đường, phòng chống dịch bệnh, phòng tránh các hiểm họa thiên tai, ...

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 1:

Điểm mạnh nổi bật:

- Kế hoạch chiến lược phát triển phù hợp mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường.

- Hội đồng trường và các hội đồng khác thực hiện đầy đủ các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo Điều lệ trường Tiểu học, phát huy mỗi đoàn kết của tập thể trong việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục.

- Trường thực hiện tốt các công tác quản lý hành chính, quản lý tài chính và tài sản theo đúng quy định; đảm bảo thực hiện Quy chế dân chủ trong các

hoạt động của nhà trường; không có trường hợp vi phạm trong 5 năm liền tính đến thời điểm đánh giá.

- Trường xây dựng và thực hiện tốt kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, tình hình thực tế của trường; thực hiện kịp thời việc đánh giá, sơ kết, tổng kết và giới thiệu hoạt động giáo dục tiêu biểu của trường.

- Trường xây dựng kế hoạch và thực hiện tốt việc đảm bảo an ninh trật tự, an toàn cho học sinh và cán bộ, giáo viên, nhân viên; phòng chống bạo lực học đường, phòng chống dịch bệnh, phòng tránh các hiểm họa thiên tai, ...

Điểm yếu cơ bản:

- Trường chưa thực hiện thường xuyên việc rà soát, điều chỉnh, bổ sung nội dung trong phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.

- Số lượng lớp học và sĩ số học sinh/lớp còn cao, chưa đúng quy định.

Kết quả đánh giá các tiêu chí:

- Tổng số tiêu chí đạt Mức 1: 06/10

- Tổng số tiêu chí đạt Mức 2: 04/10

- Tổng số tiêu chí đạt Mức 3: 00/10

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh

Mở đầu

- Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nhà trường có đủ trình độ, năng lực để triển khai và thực hiện tốt các hoạt động giáo dục.

- Cán bộ quản lý có phẩm chất đạo đức tốt, được bồi dưỡng về quản lý giáo dục; có đủ sức khỏe, năng nổ, nhiệt tình được tập thể nhà trường tín nhiệm về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống; thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 20, Điều 21 của Điều lệ trường tiểu học. Số lượng giáo viên, nhân viên đảm bảo yêu cầu theo quy định.

- Giáo viên có tay nghề chuyên môn vững vàng, có tâm huyết với nghề. Đội ngũ nhân viên có đủ số lượng, được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và đáp ứng yêu cầu công việc được phân công.

- Học sinh của trường đáp ứng yêu cầu theo quy định của Điều lệ trường tiểu học. Học sinh thực hiện đầy đủ nhiệm vụ và được đảm bảo các quyền theo quy định.

Tiêu chí 2.1: Đối với Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng

Mức 1:

- a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;*
- b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;*
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.*

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;*
- b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.*

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Hiệu trưởng đạt trình độ Cử nhân tiểu học, đã tốt nghiệp Quản lý Giáo dục và Trung cấp Lý luận chính trị. Hiệu trưởng có 16 năm dạy học và 8 năm giữ chức vụ Phó hiệu trưởng, từ năm 2013 giữ chức vụ Hiệu trưởng cho đến nay, là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam. Đầu năm học 2017 - 2018 được điều động và bổ nhiệm Hiệu trưởng tại trường Tiểu học Bình Triệu [H2-2.1-01].

Phó hiệu trưởng 01 đạt trình độ Cử nhân tiểu học, đã tốt nghiệp Thạc sĩ Quản lý Giáo dục và Trung cấp Lý luận chính trị; có thâm niên 16 năm giảng dạy và 16 năm giữ chức vụ Phó hiệu trưởng, là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam [H2-2.1-01].

Phó hiệu trưởng 02 đạt trình độ Cử nhân tiểu học, đã tốt nghiệp Quản lý Giáo dục và Trung cấp Lý luận chính trị; có thâm niên 15 năm giảng dạy và 11 năm giữ chức vụ Phó hiệu trưởng, là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam [H2-2.1-01].

b) Cuối mỗi năm học, cán bộ quản lý của trường được đánh giá xếp loại xuất sắc theo quy định Chuẩn hiệu trưởng trường tiểu học [H2-2.1-02].

c) Hiệu trưởng và 02 Phó hiệu trưởng có trình độ đào tạo trên chuẩn (Cử nhân tiểu học), đều đạt trình độ Trung cấp Lý luận Chính trị và được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ, có đầy đủ các văn bằng, chứng chỉ theo quy định. Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng được Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức ban hành quyết định bổ nhiệm, điều động. Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng có đủ năng lực để triển khai các hoạt động giáo dục. [H1-1.4-01].

Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng đều tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định như công tác quản lý tài chính, tài sản; nghiệp vụ đấu thầu; chức danh nghề nghiệp, lớp quản lý lãnh đạo cấp phòng, bồi dưỡng về quản lý giáo dục do Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Thủ Đức và Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức. [H2-2.1-01].

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm năm học 2019-2020, Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng đều được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng, chuẩn phó hiệu trưởng mức **Tốt** [H2-2.1-02].

b) Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định (đạt trung cấp lý luận chính trị - hành chính), được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm cao [H2-2.1-01].

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm năm học 2019-2020, Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng đều được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng, chuẩn phó hiệu trưởng mức **Tốt** [H2-2.1-02]

2. Điểm mạnh:

Cán bộ quản lý đảm bảo về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ quản lý, lý luận chính trị theo quy định; đáp ứng tốt cho việc thực hiện nhiệm vụ và nhận được sự tín nhiệm từ cán bộ, giáo viên, nhân viên trong trường.

3. Điểm yếu:

Hiệu trưởng và 02 Phó hiệu trưởng chưa được tham gia lớp bồi dưỡng tập huấn đánh giá ngoài để nâng cao hơn nữa nghiệp vụ quản lý.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Từ năm học 2023-2024 cho đến hết nhiệm kỳ, Hiệu trưởng và 02 Phó hiệu trưởng tiếp tục phát huy vai trò, năng lực của cán bộ quản lý trong quá trình triển khai thực hiện các hoạt động giáo dục trong nhà trường; tự học và tự bồi dưỡng để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Hiệu trưởng và 02 Phó hiệu trưởng sắp xếp thời gian để tham gia các lớp bồi dưỡng nhằm nâng cao hơn nữa về nghiệp vụ quản lý.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

a) Số lượng giáo viên đảm bảo để dạy các môn học và tổ chức các hoạt động giáo dục theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học; có giáo viên làm Tổng phụ trách Đội Thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh;

b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;

c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 55%; đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 40%; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;

c) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 65%, đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 50%;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Năm học 2019-2020, trường có 55 giáo viên/ 55 lớp (02 giáo viên nghỉ hưu sản nên phải hợp đồng 02 giáo viên dạy nhiều môn) đạt tỷ lệ 0.96 giáo viên/lớp, 05 giáo viên dạy tiếng Anh, đảm bảo đủ để dạy các môn học và tổ chức các hoạt động giáo dục của bậc tiểu học theo quy định. Mỗi lớp đều có lớp trưởng, lớp phó hoặc chủ tịch, phó chủ tịch Hội đồng tự quản cùng các ban do tập thể học sinh của lớp bầu hoặc do giáo viên chủ nhiệm chỉ định luân phiên trong năm học. Tuy nhiên, chưa có giáo viên chuyên trách Tổng phụ trách Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh. Do vậy, cô Phạm Ngọc Thùy Dương là giáo viên chủ nhiệm lớp Một 1 kiêm nhiệm công tác Tổng phụ trách Đội [H2-2.2-01]; [H2-2.2-02].

b) 100% giáo viên của trường đều có bằng tốt nghiệp từ Đại học sư phạm đúng chuyên môn theo quy định tại Điều lệ trường Tiểu học, trong đó trình độ đạt chuẩn 96.4% [H1-1.7-03].

c) Hàng năm, trường tổ chức đánh giá xếp loại chuẩn nghề nghiệp giáo viên theo quy định số 14/2007/QĐ-BGD-ĐT ngày 04 tháng 5 năm 2017 và Thông tư 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học và **100% giáo viên đều được đánh giá từ mức khá trở lên** [H1-1.4-10].

Mức 2:

a) Tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo đạt 96.4% được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá. Tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp [H1-1.7-01].

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm năm học 2019-2020, nhà trường có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp, trong đó giáo viên của trường được đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở **mức khá, tốt đạt 100% theo quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên** [H1-1.4-10].

c) Đội ngũ giáo viên của trường luôn có ý thức tổ chức **kỷ** luật tốt, không có trường hợp giáo viên bị kỷ luật **trong những năm học qua** [H1-1.1-02]; [H1-1.3-05].

Mức 3:

a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt 96,4%, được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp trong 05 năm liên tiếp tính đến năm học 2023-2024 [H1-1.7-03].

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm năm học 2019-2020, nhà trường có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp, trong đó giáo viên của trường được đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá và **tốt** trên 96% [H1-1.4-10].

2. Điểm mạnh:

- Trường có số lượng và cơ cấu giáo viên đảm bảo để dạy các môn học

bắt buộc theo quy định; tỷ lệ giáo viên/lớp đảm bảo tỷ lệ quy định.

- Tỷ lệ giáo viên có trình độ đạt trên chuẩn đào tạo là 96,4%. Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt và khá.

3. Điểm yếu:

Trường còn 01 giáo viên dạy nhiều môn đạt trình độ trung cấp sư phạm.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Năm học 2019-2020, hiệu trưởng khuyến khích 04 giáo viên chưa đạt trình độ chuyên môn học tập để nâng cao trình độ theo đúng quy định (còn 1 giáo viên lớn tuổi không đủ điều kiện theo học). Hiệu trưởng tiếp tục quan tâm, theo dõi việc thực hiện nhiệm vụ của giáo viên, việc nâng cao năng lực chuyên môn và chất lượng chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học trong nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

b) Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;

b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hiện nay, trường có 14 nhân viên, trong đó có: 5 nhân viên biên chế (1 nhân viên Kế toán, 1 nhân viên Thư viện- thiết bị, 1 nhân viên văn thư, 1 nhân viên thủ quỹ kiêm y tế, 1 nhân viên CNTT), 3 nhân viên hợp đồng 68 (2 nhân viên bảo vệ, 1 phục vụ), 6 nhân viên hợp đồng trường (5 nhân viên phục vụ và 1 nhân viên y tế) đủ số lượng đáp ứng yêu cầu công việc [H1-1.4-04];

b) Nhân viên được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực [H1-1.4-04];

c) Đội ngũ nhân viên của trường luôn có ý thức trách nhiệm, nhiệt tình trong công việc, phong cách giao tiếp tốt trong môi trường sư phạm, hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao và được đánh giá viên chức hàng năm [H1-1.4-13].

Mức 2:

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định [H1-1.4-04].

b) Đội ngũ nhân viên có ý thức tổ chức kỷ luật, có tinh thần học hỏi, nhiệt tình với công việc. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm năm học 2019-2020, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H1-1.4-13].

Mức 3:

a) Nhân viên kế toán có trình độ Đại học kế toán và nhân viên văn thư có trình độ Trung cấp văn thư, nhân viên Thư viện-thiết bị có trình độ Cao đẳng thư viện, còn các nhân viên phục vụ, bảo vệ có trình độ văn hóa từ lớp 7 đến lớp 12. Trong năm học, nhân viên kế toán, văn thư, y tế, thư viện còn được tham gia tập huấn, bồi dưỡng theo kế hoạch của các cơ quan chuyên môn cấp trên triệu tập [H1-1.7-03].

b) Hằng năm, nhân viên chưa tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn nên hiệu quả làm việc chưa cao [H1-1.7-01].

2. Điểm mạnh:

Trường có đầy đủ số lượng nhân viên, đảm bảo thực hiện hiệu quả công tác hành chính, tài chính, chăm sóc sức khỏe và các hoạt động giáo dục khác. Đội ngũ nhân viên luôn có trách nhiệm trong công việc, chủ động phối hợp với giáo viên, các đoàn thể trong nhà trường hoàn thành tốt công tác được giao.

3. Điểm yếu:

Bộ phận thư viện thiết bị cần cố gắng hơn trong công tác để có thể đáp ứng yêu cầu công việc.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Từ năm học 2019-2020 Hiệu trưởng tiếp tục khuyến khích nhân viên qua việc khen thưởng, bố trí thời gian công việc phù hợp để nhân viên tiện lợi cho việc học tập, bồi dưỡng.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1

Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh

Mức 1:

- a) Đảm bảo về tuổi học sinh tiểu học theo quy định;*
- b) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định;*
- c) Được đảm bảo các quyền theo quy định.*

Mức 2:

Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.

Mức 3:

Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Tất cả học sinh của trường được đảm bảo về tuổi theo quy định tại Điều 40 của Điều lệ trường tiểu học. Học sinh đang học ở trường từ lớp 1 đến lớp 5 có độ tuổi từ 6 đến 14 tuổi (tính theo năm trong giấy khai sinh) đạt tỷ lệ 100% [H1-1.5-02].

b) 100% học sinh thực hiện đầy đủ 5 nhiệm vụ học sinh, nghiêm túc thực hiện nội quy nhà trường đề ra; chấp hành tốt những hành vi học sinh không được làm theo quy định tại Điều 41 và Điều 43 của Điều lệ trường Tiểu học [H2-2.4-01]; tích cực tham gia các hoạt động tập thể, hoạt động bảo vệ môi trường, trật tự an toàn giao thông, giữ gìn tài sản công.

Tuy nhiên, do ý thức tự giác chấp hành luật giao thông của cha mẹ học sinh và học sinh chưa cao nên việc đội mũ bảo hiểm khi đi xe gắn máy cùng cha mẹ đến trường chưa thường xuyên (tỷ lệ 1.9%).

c) Học sinh được đảm bảo các quyền theo quy định tại Điều 42 của Điều lệ trường tiểu học như: được chăm sóc, bảo vệ, tôn trọng và đối xử công bằng, được đảm bảo những điều kiện về thời gian, cơ sở vật chất, vệ sinh môi trường, an toàn để học tập và sinh hoạt, được tham gia các hoạt động nhằm phát triển năng khiếu và theo quy định của pháp luật [H1-1.8-02].

Mức 2:

Trường thành lập đội sao đỏ, đôi bạn cùng tiến, câu lạc bộ đội nhóm, đề ra các biện pháp giáo dục phù hợp cho học sinh về các hành vi học sinh không được làm. Đối với những học sinh thực hiện những hành vi không được làm, Tổng phụ trách cùng giáo viên chủ nhiệm phối hợp với gia đình học sinh giáo dục, theo dõi và hướng dẫn các em thực hiện những hành vi đúng. Nhờ vậy, số lượng học sinh vi phạm giảm và có chuyển biến tích cực, chăm ngoan, lễ phép hơn nên không có học sinh nào bị kỷ luật. [H1-1.1-02]; [H1-1.5-04]; [H2-2.4-01].

Mức 3:

Học sinh ngoài việc lĩnh hội tri thức, còn được tham gia các hoạt động giáo dục khác như vui chơi, rèn luyện thể chất, tham gia các hội thi của ngành nên đã có nhiều thành tích đáng kể cho bản thân các em, cho lớp và cho nhà trường. Hằng năm, thông qua việc kiểm tra đánh giá xếp loại học sinh, học sinh đạt thành tích trong các hội thi cấp quận góp phần nâng cao chất lượng giáo dục. Việc tuyên dương, khen thưởng kịp thời trong giờ chào cờ đầu tuần, tiết sinh hoạt chủ nhiệm tạo động lực cho các học sinh khác phấn đấu noi theo. Tuy nhiên, số lượng học sinh đạt các thành tích cao trong các hội thi cấp thành phố chưa nhiều [H1-1.1-02]; [H1-1.5-04]; [H2-2.4-03].

2. Điểm mạnh:

Học sinh đảm bảo đúng quy định về độ tuổi, thực hiện tốt các nhiệm vụ của học sinh; luôn được nhà trường quan tâm, chăm sóc, giáo dục và đảm bảo đầy đủ các quyền của học sinh theo quy định tại Điều 42 của Điều lệ trường Tiểu học.

3. Điểm yếu:

Ý thức chấp hành đội mũ bảo hiểm khi ngồi trên xe gắn máy của cha mẹ và học sinh chưa cao. Số lượng học sinh đạt các thành tích cao trong các hội thi cấp thành phố chưa có nhiều.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2019-2020, trong giờ sinh hoạt dưới cờ đầu tuần, Hiệu trưởng phân công Tổng phụ trách đội tăng cường công tác giáo dục, tuyên truyền trong học sinh việc chấp hành nội quy nhà trường, thực hiện tốt 5 nhiệm vụ của học sinh; Tuyên truyền đến cha mẹ học sinh ý thức chấp hành an toàn giao thông, cho con em mình đội mũ bảo hiểm khi cùng đi xe gắn máy đến trường. Tiếp tục rèn luyện các môn năng khiếu cho học sinh để nâng cao thành tích cho trường.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 2:

Điểm mạnh nổi bật:

- Cán bộ quản lý đảm bảo yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ quản lý, lý luận chính trị theo quy định; đáp ứng việc thực hiện nhiệm vụ và luôn nhận được sự tin nhiệm cao từ cán bộ, giáo viên, nhân viên trong trường; thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn trong công tác quản lý, luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ.
- Trường có số lượng và cơ cấu giáo viên đảm bảo để dạy các môn học bắt buộc theo quy định; tỷ lệ giáo viên/lớp đảm bảo theo quy định.
- Trường thực hiện tốt quy định về độ tuổi đi học của học sinh và đảm bảo các quyền lợi chính đáng cho học sinh theo đúng quy định.

Điểm yếu cơ bản:

Bộ phận thư viện thiết bị cần cố gắng hơn trong công tác để có thể đáp ứng yêu cầu công việc.

Kết quả đánh giá các tiêu chí:

- Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 05/5
- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0/5

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học.

Mở đầu

- **Cơ sở vật chất** là một trong những yêu cầu rất cần thiết trong nhà trường. Đó là một trong những điều kiện phục vụ tốt cho các hoạt động giáo dục của nhà trường.
- Nhà trường đảm bảo cơ sở vật chất và thiết bị dạy học cho việc tổ chức các hoạt động giáo dục như khuôn viên riêng biệt, có cổng trường, tường rào, sân chơi; có đủ phòng học để đảm bảo việc giảng dạy. **Các điều kiện cơ sở vật chất khác như nhà vệ sinh, nơi để xe, hệ thống cấp thoát nước..**
- Trường có thư viện được trang bị các đầu sách báo, tài liệu phục vụ nhu cầu cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh theo quy định. Trường trang bị đầy đủ các thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học, thiết bị công nghệ thông tin phục

vụ cho hoạt động dạy và học. Bên cạnh đó, trường khuyến khích giáo viên tự làm và sử dụng đồ dùng dạy học tự làm để nâng cao hiệu quả giảng dạy.

Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, sân chơi, sân tập

Mức 1:

- a) Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các HĐGD*
- b) Có công trường, biển tên trường và tường hoặc hàng rào bao quanh;*
- c) Có sân chơi, sân tập thể dục thể thao.*

Mức 2:

- a) Diện tích khuôn viên, sân chơi, sân tập theo quy định;*
- b) Sân chơi, sân tập đảm bảo cho học sinh luyện tập thường xuyên và hiệu quả.*

Mức 3:

Sân chơi, sân tập bằng phẳng, có cây bóng mát, có đồ chơi, thiết bị vận động.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục. Cơ sở khang trang, rộng rãi, có trồng nhiều cây xanh bóng mát được trồng dưới các bồn cây dưới sân, khuôn viên đất trống trước sân [H3-3.1-01].

b) Trường có 01 công chính rộng hơn 3m, có biển tên trường được ghi rõ ràng theo nội dung quy định tại Khoản 2, Điều 5 của Điều lệ trường Tiểu học [H3-3.1-02]. Tường rào bao quanh cao trên 2m được xây dựng kiên cố, đảm bảo yêu cầu an toàn, thẩm mỹ [H3-3.1-03].

c) Sân chơi có tổng diện tích là 3358 m²; khu sân chơi cũng là sân tập thể dục cho học sinh được trồng cây cho bóng mát, có thiết bị vận động và đảm bảo vệ sinh cho học sinh. Trường chưa có bãi tập theo quy định [H3-3.1-01].

Mức 2:

a) Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục. Cơ sở khang trang, rộng rãi, có trồng nhiều cây xanh bóng mát được

trồng dưới các bồn cây dưới sân, khuôn viên đất trống trước sân. Tuy nhiên, việc bố trí trồng cây xanh bóng mát chưa đều [H3-3.1-03].

b) Sân chơi, sân tập thể dục thể thao chưa đảm bảo cho học sinh luyện tập thường xuyên hàng ngày và chưa đạt hiệu quả cao. Sân trường còn nhiều bồn cây chiếm sân chơi, bãi tập [H3-3.1-01]

Mức 3

Nhà trường chưa trang bị đủ các dụng cụ như: đồ chơi, thiết bị vận động phục vụ cho học sinh. Xung quanh trường chưa có nhiều cây bóng mát. [H3-3.1-01].

2. Điểm mạnh:

Trường có khuôn viên sạch, đẹp, thoáng mát, đảm bảo an toàn về an ninh trật tự, có hệ thống cây xanh và cảnh quan môi trường tốt. Các khu vực hoạt động được bố trí hợp lý, có sân để học sinh vui chơi và tập thể dục, đảm bảo tốt về an ninh trật tự. Trường có tường rào bao quanh đảm bảo về mỹ quan sư phạm, đảm bảo an toàn cho học sinh.

3. Điểm yếu:

Bố trí trồng cây xanh bóng mát chưa đều, có nhiều bồn cây lấn chiếm diện tích sân chơi.

Nhà trường chưa đảm bảo diện tích mặt bằng xây dựng bình quân tối thiểu $6m^2/1$ học sinh, diện tích sân chơi chưa đảm bảo theo quy định.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Năm 2020, dựa vào tình hình thực tế, hiệu trưởng xây dựng kế hoạch trường lớp và tiếp tục tham mưu với lãnh đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Thủ Đức về việc giảm sĩ số học sinh để tăng thêm diện tích sân bãi cho học sinh; tiếp tục trang bị thêm các thiết bị luyện tập thể dục, thể thao; tận dụng, cải tạo sân trường chung và sắp xếp giờ học hợp lý để học sinh có điều kiện xuống sân trường tập thể dục, luyện tập các môn thể thao.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1

Tiêu chí 3.2: Phòng học

Mức 1:

- a) Đủ mỗi lớp một phòng học riêng, quy cách phòng học theo quy định;
- b) Bàn, ghế học sinh đúng tiêu chuẩn và đủ chỗ ngồi cho học sinh; có bàn ghế phù hợp cho học sinh khuyết tật học hòa nhập (nếu có); **bàn**, ghế giáo viên, bảng lớp theo quy định;
- c) Có hệ thống đèn, quạt, có hệ thống tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học.

Mức 2:

- a) Diện tích phòng học đạt tiêu chuẩn theo quy định;
- b) Tủ đựng thiết bị dạy học có đủ các thiết bị dạy học;
- c) Kích thước, vật liệu, kết cấu, kiểu dáng, màu sắc bàn, ghế học sinh theo quy định.

Mức 3:

Có các phòng riêng biệt để dạy các môn âm nhạc, mỹ thuật, khoa học và ngoại ngữ; có phòng để hỗ trợ cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Trường có 44 phòng học kiên cố thiết kế đúng quy cách, 34 phòng học cũ có diện tích 48m²/ **phòng**, 10 phòng học mới có diện tích 52m² /**phòng** và 02 phòng học bộ môn (tin học) có diện tích 48m²/**phòng**. Có 2 cửa ra vào và 4 ô cửa sổ, hệ thống đèn quạt đảm bảo đủ ánh sáng và độ thoáng **mát**. **Số** lượng, quy cách, chất lượng và thiết bị các phòng học của trường **[H3-3.1-03]** đảm bảo theo quy định tại Điều 46: Điều lệ trường Tiểu học.

b) Toàn trường vẫn còn 8 lớp sử dụng bàn ghế 2 chỗ với số lượng 151 bộ (bàn riêng, ghế riêng), bàn ghế học sinh có kích cỡ, vật liệu, kiểu dáng và màu sắc đảm bảo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Y tế **[H3-3.2-01]; [H3-3.2-02]**. Bàn ghế học sinh được bổ sung mới hàng năm. Tuy nhiên, chân bàn ghế làm bằng sắt dễ bị rỉ sét.

c) Mỗi phòng học được trang bị hệ thống đèn và hệ thống quạt đầy đủ theo quy định, có tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học. Ngoài ra, trường còn trang trí ảnh Bác, bảng 05 điều Bác Hồ dạy, bảng chữ cái, góc sản phẩm, góc thư viện cho mỗi phòng học [H3-3.2-01]; [H3-3.2-02].

Mức 2:

a) Diện tích phòng học đạt tiêu chuẩn theo quy định. Tuy nhiên số học sinh trong mỗi lớp học đông hơn so với quy định của Điều lệ trường Tiểu học [H3-3.2-01]; [H3-3.2-02].

b) Mỗi phòng học được trang bị tủ đựng thiết bị dạy học và có đủ các thiết bị dạy học cho từng khối lớp theo quy định [H3-3.2-01]

c) Có 36 phòng kích thước, vật liệu, kết cấu, kiểu dáng, màu sắc bàn, ghế học sinh đúng theo quy định. Tuy nhiên còn 8 phòng học bàn ghế hai chỗ [H3-3.2-02].

Mức 3:

Nhà trường có các phòng riêng biệt để dạy môn Tin học, năng khiếu; chưa có phòng để hỗ trợ cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh khuyết tật học hòa nhập [H3-3.1-03].

2. Điểm mạnh:

Có đầy đủ phòng học, trong phòng học có đầy đủ thiết bị cần thiết phục vụ cho công tác dạy và học theo quy định.

Phòng học kiên cố, thoáng mát phục vụ tốt cho nhu cầu học tập và sinh hoạt của học sinh.

Bàn ghế của giáo viên, học sinh đảm bảo quy định. Số lượng, kích thước, vật liệu, kết cấu, kiểu **dáng bàn**, ghế học sinh theo quy định.

3. Điểm yếu:

- Diện tích phòng học bình quân 1 m²/1 học sinh chưa đúng theo quy định.

Trường chưa có phòng riêng biệt để hỗ trợ cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh khuyết tật hòa nhập.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Từ năm học 2019-2020, Hiệu trưởng phân công bộ phận quản lý tài sản tiếp tục duy trì và tăng cường công tác sửa chữa cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động giáo dục trong nhà trường; Hiệu trưởng đề xuất cấp trên phê duyệt chủ trương sử dụng kinh phí từ các nguồn thu sự nghiệp **thay thế** bằng từ, sơn lại chân bàn ghế học sinh để phục vụ cho hoạt động dạy và học. Thay bàn ghế 01 chỗ cho tất cả các lớp trong những năm học sau. Tiếp tục tham mưu với lãnh đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo giảm chỉ tiêu tuyển sinh lớp đầu cấp nhằm đảm bảo diện tích bình quân cho 01 học sinh theo quy định và có phòng **riêng biệt (phòng Tham vấn học đường)** để hỗ trợ cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh khuyết tật hòa nhập.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1

Tiêu chí 3.3: Khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính - quản trị

Mức 1:

a) Có phòng giáo dục nghệ thuật, phòng học tin học, phòng thiết bị giáo dục, phòng truyền thống và hoạt động Đội đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động giáo dục;

b) Khối phòng hành chính - quản trị đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường;

c) Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự.

Mức 2:

a) Khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính - quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh;

b) Có nơi lưu trữ hồ sơ, tài liệu chung.

Mức 3:

Khối phòng phục vụ học tập, phòng hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị, được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Trường có các phòng chức năng gồm: 2 phòng dạy tin học

(50 máy/phòng), 1 phòng thư viện, 1 phòng thiết bị [H3-3.1-03].

b) Nhà trường có khối phòng hành chính quản trị đúng quy định bao gồm: 01 phòng hiệu trưởng, 01 phòng phó hiệu trưởng, 01 phòng giáo viên, 01 phòng y tế và 01 phòng tài vụ. Tất cả các phòng đều có trang thiết bị đáp ứng đầy đủ cho nhu cầu làm việc; còn có 01 nhà nấu ăn cho học sinh bán trú, 01 phòng bảo vệ trực ở gần cổng trường và 02 nhà kho (cải tạo từ gầm cầu thang) [H3-3.2-01].

Trường có trang bị đồ dùng, thiết bị y tế tối thiểu gồm: 02 giường, 01 tủ đựng thuốc và một số đồ dùng, thiết bị y tế. Thuốc sơ cấp cứu là những loại thuốc thiết yếu được mua vào đầu mỗi học kỳ để phục vụ cho học sinh và thường xuyên kiểm tra nhãn mác, hạn sử dụng [H3-3.2-01]. [H1-1.10-02]. Tuy nhiên đồ dùng, thiết bị y tế chưa nhiều.

Trường trang bị đầy đủ các loại máy: có 09 máy vi tính dùng cho văn phòng (có nối mạng internet) và 08 máy in; có 04 laptop, 04 đầu chiếu, có 90 máy vi tính phục vụ cho công tác dạy và học tập [H3-3.1-03].

c) Nhà trường có nhà để xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên. Nhà xe được xây dựng riêng biệt với khu học tập, sinh hoạt của học sinh [H3-3.1-03]. Tuy nhiên diện tích khu vực nhà xe chật hẹp không chứa hết lượng xe của cán bộ, giáo viên, nhân viên. Khu vực để xe đảm bảo an toàn và trật tự; xe giáo viên được sắp xếp đỗ ngay ngắn, tiện cho việc lấy ra dễ dàng. [H3-3.3-01].

Mức 2:

a) Khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính - quản trị theo **quy định** được trang bị đầy đủ các trang thiết bị để làm việc như bàn ghế, tủ đựng hồ sơ, máy vi tính, máy in, máy photocopy; khu bếp, nhà ăn, đảm bảo an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh. Tuy nhiên trường chưa có nhà nghỉ dành cho giáo viên **[H3-3.2-01]**.

b) Nhà trường chưa có nơi lưu trữ hồ sơ, tài liệu chung, còn để chung các vật dụng, tài liệu trong kho (dưới chân cầu thang) **[H3-3.2-01]**.

Mức 3:

Khối phòng phục vụ học tập, phòng hành chính - quản trị của nhà trường có đầy đủ các thiết bị, được sắp xếp hợp lý, khoa học. Tuy nhiên vẫn chưa hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường như mong muốn.

2. Điểm mạnh:

Có đầy đủ phòng máy vi tính phục vụ cho hoạt động dạy và học. Hệ thống máy vi tính văn phòng đều có nối mạng internet.

3. Điểm yếu:

Trường chưa có đầy đủ phòng học đảm bảo mỗi lớp 01 phòng học, trang bị đầy đủ bàn ghế và thiết bị dạy học theo quy định. Nhà trường thiếu phòng học 2 buổi/ngày và chưa có phòng nghỉ riêng cho học sinh và giáo viên mà ngủ tại phòng học. Diện tích nhà xe chật hẹp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Từ năm học 2020-2021, hiệu trưởng tiếp tục tham mưu với Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Thủ Đức giảm chỉ tiêu số lớp đầu cấp giúp nhà trường thực hiện việc bố trí các phòng học, phòng chức năng hợp lý hơn.

Bộ phận y tế sử dụng kinh phí từ nguồn y tế mua sắm thêm đồ dùng, thiết bị y tế cần thiết để phục vụ học sinh.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1

Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1:

a) Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Trường có 02 phòng vệ sinh phục vụ cán bộ, giáo viên, nhân viên (nam, nữ riêng biệt), có 05 khu nhà vệ sinh phục vụ học sinh (nam, nữ riêng biệt). **Các khu vệ sinh sạch sẽ**, có đầy đủ bồn rửa, vòi nước rửa tay, xà phòng, giấy vệ sinh, phục vụ tốt cho vệ sinh cá nhân, đảm bảo không ô nhiễm môi trường **[H3-3.4-01]**.

b) Hệ thống cấp thoát nước đảm bảo an toàn, vệ sinh. Trường sử dụng nguồn nước thủy cục do Công ty cấp nước Thủ Đức cung cấp, đáp ứng nguồn **nước sạch cho nhu cầu sinh hoạt của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.** **[H3-3.4-02]**.

c) Công tác thu gom và xử lý rác, chất thải thực hiện đúng quy định; có bố trí địa điểm tập kết rác xa khu vực học tập và chế biến thực phẩm để đảm bảo vệ

sinh môi trường. Rác thải, rác sinh hoạt hằng ngày có thùng chứa, có xe gom rác dân lập chuyên đi. Học sinh chưa thực hiện đúng việc phân loại rác tại trường. Có hợp đồng xử lý rác y tế với trạm y tế phường [H3-3.4-03].

Mức 2:

a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định. Hệ thống nhà vệ sinh được xây dựng thành 2 khu vực riêng biệt dành cho giáo viên và học sinh theo đúng quy cách. [H3-3.1-03]; [H3-3.4-01].

b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế. Nguồn nước sạch đáp ứng nhu cầu sử dụng của cán bộ, giáo viên và học sinh; hệ thống thoát nước, thu gom rác đảm bảo vệ sinh môi trường, **vẫn còn hiện tượng ngập nước xảy ra khi triều cường hoặc mưa lớn nước rút không kịp.**

- Nguồn nước uống: cán bộ, giáo viên và học sinh sử dụng nước uống hằng ngày là nước uống đóng bình Vĩnh Hảo do trường hợp đồng với (MSC) Công ty cổ phần hàng tiêu dùng MASAN cung cấp [H1-1.10-06].

- **Nguồn nước máy đảm bảo tiêu chuẩn theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN 01/2009/BYT) ban hành kèm theo Thông tư số 04/2009/TT-BYT ngày 17 tháng 6 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống [H3-3.4-02].**

- Hệ thống cống rãnh thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt thường xuyên được nạo vét không để nước ứ đọng; có hệ thống thoát nước riêng cho khu vực nhà bếp và khu vệ sinh.

- Xung quanh trường có bố trí các thùng đựng rác có nắp đậy và **có bảng** thực hiện phân loại rác.

- Trường hợp đồng với Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên môi trường đô thị thành phố Hồ Chí Minh về thu gom, xử lý chất thải, rác thải sinh hoạt. Công ty thực hiện thu gom rác thải **2 ngày/1 lần**, không có trường hợp để

rác thải tồn đọng qua ngày khác [H3-3.4-03]. Khu tập trung rác thải được bố trí cách biệt các khu vực khác nhưng chưa có lối ra vào riêng, vẫn đi chung với cổng trường chính.

2. Điểm mạnh:

Hệ thống các công trình vệ sinh của nhà trường hoàn thiện, luôn được chú trọng cải tạo thêm sạch đẹp. Hệ thống nước sạch được thiết kế thuận tiện cho việc sử dụng và bảo đảm vệ sinh. Trường có khu vệ sinh riêng cho giáo viên, nhân viên và học sinh, luôn đảm bảo khô, thoáng, sạch sẽ; có hệ thống nước sạch đáp ứng nhu cầu sử dụng cho giáo viên, nhân viên và học sinh; có hệ thống thoát nước, thu gom rác đảm bảo yêu cầu vệ sinh môi trường.

3. Điểm yếu:

Khu tập trung rác thải được bố trí cách biệt các khu vực khác nhưng chưa có lối ra vào riêng vẫn đi chung với cổng trường chính. Việc phân loại rác tại trường của học sinh chưa đạt yêu cầu do một số học sinh nhất là học sinh lớp một còn bỏ rác lẫn lộn - chưa phân loại rác theo đúng yêu cầu.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Hằng năm, trường xây dựng kế hoạch sửa chữa trường lớp, trong đó quan tâm sửa chữa khu vệ sinh dành cho học sinh để đảm bảo khu vệ sinh luôn sạch sẽ, thoáng mát. Bên cạnh đó, cán bộ quản lý và nhân viên y tế thường xuyên kiểm tra, nhắc nhở bộ phận phục vụ xử lý kịp thời khu vệ sinh, đảm bảo nhà vệ sinh luôn khô, không mùi hôi. Bộ phận bảo vệ thường xuyên kiểm tra hệ thống thoát nước và giám sát quá trình thu gom rác, đảm bảo không để rác tồn đọng trong trường. Trường sắp xếp thời gian thu gom rác vào buổi chiều sau giờ ra chơi để tránh ảnh hưởng đến các hoạt động của trường và đảm bảo vệ sinh môi trường.

Từ năm học 2019-2020, Hiệu trưởng phân công nhân viên phục vụ tiếp tục quan tâm chăm sóc nhà vệ sinh và luôn đảm bảo tốt vệ sinh môi trường; Ban Giám hiệu, Giáo viên, phụ trách Y tế, Đoàn Đội,..... thường xuyên tuyên truyền

trong tập thể cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, phụ huynh và học sinh nắm bắt việc phân loại rác tại nguồn.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 3.5: Thiết bị

Mức 1:

a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường;

b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định;

c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý hoạt động dạy học;

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;

c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

Thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Nhà trường trang bị một phòng thiết bị (năm 2020) với diện tích là 48m² với đầy đủ đồ dùng thiết bị dạy học tối thiểu phục vụ cho giảng dạy và học tập, đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 15/2009/TT-BGD ngày 16 tháng 7 năm 2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H1-1.6-06].

b) Nhà trường đảm bảo thiết bị dạy học tối thiểu phục vụ giảng dạy và học tập đảm bảo quy định tại Thông tư số 15/2009/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 7 năm 2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường tổ chức quản lý và sử dụng có hiệu quả thiết bị giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H3-3.5-

01]. Khuyến khích giáo viên sử dụng phương tiện trình chiếu và tự làm thêm đồ dùng dạy học phục vụ cho việc giảng dạy và học tập.

c) Hằng năm học, trường đều thực hiện kiểm kê, sửa chữa, có mua sắm bổ sung để tăng số lượng và cũng để thay thế đồ dùng, thiết bị dạy học lạc hậu, hư hỏng **[H3-3.5-02]**. Tuy nhiên, việc mua sắm bổ sung đồ dùng, thiết bị dạy học chưa nhiều do kinh phí từ các nguồn thu sự nghiệp có hạn.

Mức 2:

a) Nhà trường có trang bị hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ cho công tác quản lý hệ thống dạy học **[H3-3.5-06]**.

b) Trường trang bị đầy đủ các thiết bị dạy học: bảng, hệ thống tranh ảnh các môn học, máy chiếu, ... đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định cho việc giảng dạy và học tập theo Thông tư số 15/2009/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 7 năm 2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo **[H3-3.5-02]**.

c) Mỗi năm, toàn bộ tài sản, thiết bị giáo dục của trường được kiểm kê một lần, đồ dùng và thiết bị dạy học được mua sắm, bổ sung đầy đủ đảm bảo phục vụ tốt cho việc giảng dạy của giáo viên, có lưu đầy đủ biên bản kiểm tra. Bên cạnh đó, hàng năm trường đều tổ chức Hội thi làm đồ dùng dạy học nhằm khuyến khích giáo viên làm thêm đồ dùng dạy học phục vụ cho việc giảng dạy **[H3-3.2-01]; [H3-3.5-05]**.

Mức 3:

Nhà trường có trang bị tủ đựng thiết bị dạy học trên lớp rất tiện lợi cho việc khai thác sử dụng và bảo quản trang thiết bị tại lớp. Tuy nhiên, chưa trang bị bảng tương tác phục vụ cho công tác dạy và học của giáo viên, học sinh.

Giáo viên sử dụng thiết bị dạy học và thiết bị tự làm hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường. Hằng tháng, có báo cáo số tiết sử dụng đồ dùng dạy học, số tiết sử dụng giáo án điện tử, cập nhật số lượng đồ dùng tự làm của giáo viên **[H3-3.5-04]**.

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có trang bị hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ cho công tác quản lý hệ thống dạy học.

Có phòng thiết bị riêng biệt và có đầy đủ đồ dùng, thiết bị dạy học theo danh mục tối thiểu của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trường có đủ thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học đáp ứng các hoạt động giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Cán bộ quản lý quan tâm đến công tác sử dụng các thiết bị, đồ dùng dạy học trong giảng dạy của giáo viên; luôn động viên, khuyến khích giáo viên tự làm đồ dùng dạy học và sử dụng đồ dùng dạy học hiệu quả. Giáo viên thường xuyên và tích cực sử dụng các thiết bị, đồ dùng dạy học trong giảng dạy.

3. Điểm yếu:

Việc tự làm đồ dùng dạy học của giáo viên còn hạn chế. Nhà trường chưa trang bị bảng tương tác phục vụ cho công tác dạy và học của giáo viên, học sinh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Từ năm học 2019-2020, Hiệu trưởng phân công bộ phận thiết bị tiếp tục sử dụng kinh phí từ các nguồn thu sự nghiệp mua sắm bổ sung đồ dùng, thiết bị dạy học cần thiết; khuyến khích giáo viên thường xuyên sử dụng phương tiện trình chiếu và đẩy mạnh phong trào tự làm đồ dùng dạy học. Nhà trường tiếp tục cân đối quỹ phát triển sự nghiệp để mua sắm, bổ sung trang thiết bị hiện đại phục vụ hoạt động giảng dạy trên lớp của giáo viên.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1

Tiêu chí 3.6: Thư viện

Mức 1:

- a) Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động dạy học;
- b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu hoạt động dạy học của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh;

c) Hằng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.

Mức 2:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên.

Mức 3:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên; hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Thư viện trường **có 01 phòng** đọc sách với tổng diện tích là 120m²; có tủ đựng sách giáo khoa, sách nghiệp vụ, sách tham khảo, truyện đọc thiếu nhi; có 2 máy vi tính nối mạng internet phục vụ cho giáo viên tra cứu thông tin. Thư viện trường được đánh giá **công nhận đạt xuất sắc năm học 2017-2018** theo tiêu chuẩn của Quyết định số 01/2003/QĐ-BGDĐT ngày 02 tháng 01 năm 2003 của Bộ Giáo dục **và Đào tạo**.

b) Hoạt động của thư viện đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, dạy học cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học tập, giải trí cho học sinh. Thư viện mở cửa hàng ngày, học sinh đọc sách tại thư viện, đọc tại lớp, góc đọc sách ngoài hành lang thư viện và đọc sách ở sân trường vào những giờ ra chơi. Học sinh đọc sách và tham gia hoạt động thư viện tổ chức. **[H3-3.5-01]**.

- Sách, tài liệu tham khảo, truyện đọc ở thư viện mỗi năm học có mua sắm bổ sung để tăng thêm đầu sách. Kinh phí mua sắm từ các nguồn thu sự nghiệp và được sự hỗ trợ từ công trình hoạt động của ban đại diện cha mẹ học sinh. **[H3-3.5-02]**.

- Danh mục sách, báo, tài liệu được cập nhật và thông tin kịp thời đến giáo viên, nhân viên và học sinh, đáp ứng nhu cầu đọc sách, nghiên cứu và tra cứu thông tin của các thành viên trong trường **[H3-3.6-03]**.

c) Hằng năm, thư viện nhà trường được kiểm kê hai lần/năm vào cuối học kỳ 1 và cuối năm học. Nhà trường sử dụng kinh phí ngân sách và nguồn thu sự nghiệp để mua thêm sách báo, tài liệu tham khảo; chú trọng việc cập nhật các bộ sách mang tính giáo dục và thời sự nhằm bổ sung thêm sách cho tủ sách pháp luật. Thư viện đã trang bị đầy đủ tủ đựng các loại sách theo chuyên môn, bàn ghế dành cho học sinh đến ngồi đọc sách đầy đủ [H3-3.6-04]; [H3-3.6-05].

Mức 2:

- Thư viện nhà trường được đặt ở vị trí tầng trệt khá thuận lợi cho việc phục vụ bạn đọc với diện tích khá rộng (120m²) đảm bảo chỗ ngồi cho giáo viên 30 chỗ trở lên và học sinh 35 chỗ trở lên. Thư viện nhà trường được trang bị đầy đủ sách giáo khoa, sách nghiệp vụ phục vụ đầy đủ cho giáo viên và lưu kho đầy đủ, sách tham khảo đảm bảo 3 bản/học sinh. Thư viện của nhà trường đạt chuẩn Thư viện xuất sắc theo Quyết định số 01/2003/QĐ-BGDĐT ngày 02 tháng 01 năm 2003 của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H3-3.1-03];[H3-3.6-06].

Mức 3:

- **Thư viện của nhà trường đạt chuẩn Thư viện xuất sắc theo Quyết định số 01/2003/QĐ-BGDĐT ngày 02 tháng 01 năm 2003 của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H3-3.6-06].** Hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

2. Điểm mạnh:

- Thư viện có không gian rộng, thoáng mát, tiện nghi được xây dựng theo mô hình “Thư viện thân thiện”.

- Thư viện cung cấp đầy đủ sách, tài liệu phục vụ cho việc nghiên cứu và giảng dạy của giáo viên. **Các** đầu sách đa dạng, phong phú là điểm đến yêu thích của học sinh.

3. Điểm yếu:

- Hệ thống máy tính của thư viện được kết nối internet nhưng chưa đáp ứng nhu cầu nghiên cứu của cán bộ quản lý, hoạt động dạy học của giáo viên và

học sinh. **Hoạt** động thư viện xanh, thư viện ngoài trời chưa phong phú và đa dạng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

- Từ năm học 2019-2020, Hiệu trưởng phân công bộ phận thư viện tiếp tục sử dụng kinh phí từ các nguồn thu sự nghiệp của trường để mua sắm thêm sách, tài liệu, truyện đọc cho thư viện. Thực hiện tốt công tác giới thiệu sách tham khảo cho học sinh và khuyến khích học sinh mượn sách mang về nhà đọc.

- Năm học 2020-2021, Hiệu trưởng chỉ đạo việc trang bị và cho nhân viên thư viện tập huấn sử dụng phần mềm quản lý sách trên internet; tổ chức tốt các hoạt động thư viện xanh, thư viện ngoài **trời phong** phú và đa dạng để thu hút học sinh hơn. Tiếp tục tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ để phục vụ công tác Thư viện - Thiết bị trong những năm tiếp theo.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 3:

Điểm mạnh nổi bật:

- Trường có khuôn viên riêng biệt, đảm bảo an toàn, có hệ thống cây xanh, cảnh quan môi trường sạch sẽ; có sân chơi, bãi tập để học sinh vui chơi và rèn luyện thể chất. **Cơ sở** vật chất, trang thiết bị đáp ứng với yêu cầu tối thiểu cho nhu cầu hoạt động của nhà trường.

- Khối phòng hành chính, các phòng chức năng, trang thiết bị văn phòng phục vụ cho công tác quản lý, dạy và học đã đảm bảo theo quy định của Điều lệ trường Tiểu học, đáp ứng nhu cầu dạy và học.

- Phòng học có đủ các thiết bị dạy học tối thiểu theo yêu cầu. Bàn ghế, bảng viết trong phòng học đảm bảo quy cách, đúng quy định.

- Thư viện - Thiết bị đáp ứng hoạt động dạy và học của giáo viên, học sinh.

- Các công trình vệ sinh, nhà để xe, hệ thống nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom rác của nhà trường đáp ứng với yêu cầu của hoạt động giáo dục.

Điểm yếu cơ bản:

- Diện tích mặt bằng xây dựng bình quân tối thiểu **6m²/1** học sinh, diện tích sân chơi, sân tập chưa đảm bảo theo yêu cầu quy định.
- Còn hơn 100 bộ bàn ghế **02** chỗ ngồi chưa đúng quy định.
- Trường chưa có phòng riêng biệt để dạy các môn mỹ thuật, khoa học, giáo dục thể chất **và chưa** có phòng để hỗ trợ cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu.
- Trường chưa có nhà nghỉ, nhà ăn cho học sinh bán trú.

Kết quả đánh giá các tiêu chí:

- **Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 05/05**
- **Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/05**

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu

- Nhà trường, gia đình và xã hội là 3 yếu tố không thể tách rời. Mỗi quan hệ này gắn bó mật thiết với nhau trong việc giáo dục học sinh. Việc trao đổi giữa nhà trường và gia đình sẽ tạo điều kiện cho việc giáo dục quản lý học sinh được thuận lợi, hỗ trợ tốt cho việc giáo dục học sinh. Vì vậy, nhà trường cần tạo mối quan hệ chặt chẽ, thường xuyên với các tổ chức, các lực lượng giáo dục bên ngoài nhà trường để thực hiện tốt công tác giáo dục học sinh toàn diện. Cha mẹ học sinh hỗ trợ tích cực trong các hoạt động giáo dục trên tinh thần tự nguyện góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

- Ban đại diện cha mẹ học sinh trường được thành lập và hoạt động theo đúng Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh được quy định tại Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Trường luôn chấp hành tốt theo sự lãnh đạo của Đảng ủy phường Hiệp Bình Chánh và cơ quan quản lý cấp trên trong khi thực hiện nhiệm vụ; thường xuyên thực hiện công tác tham mưu, đề xuất với lãnh đạo cấp trên; **phối hợp** tốt với Ủy ban nhân dân và các tổ chức đoàn thể trong các hoạt động có liên quan đến nhà trường.

- Trường Tiểu học Bình triệu đã thực hiện tốt công tác xã hội hóa giáo dục; phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường - gia đình - xã hội trong nhiệm vụ giáo dục góp phần xây dựng nhà trường ngày càng đi lên.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh

Mức 1:

a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban Đại diện Cha mẹ học sinh;

b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có Ban đại diện cha mẹ học sinh của lớp và của toàn trường được **bình bầu** đầu mỗi năm học gồm 11 thành viên; có đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm và hoạt động theo quy định của Điều lệ trường tiểu học và Điều lệ của Ban đại diện cha mẹ học sinh theo quy định tại Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H4-4.1-01].

b) Ban đại diện cha mẹ học sinh có kế hoạch và chương trình hoạt động cụ thể trong năm học. **Nhà** trường tạo điều kiện thuận lợi cho Ban đại diện cha mẹ học sinh tham gia vào các hoạt động giáo dục, bàn bạc về kế hoạch phát triển nhà trường. Qua đó nhận được nhiều sự hỗ trợ thực hiện các công trình, giúp

cho các hoạt động giáo dục trong nhà trường ngày càng đạt hiệu quả cao [H4-4.1-01]; [H4-4.1-02].

c) Trong năm học, nhà trường tổ chức họp phụ huynh các lớp, với Ban đại diện cha mẹ học sinh. Nội dung cuộc họp nhằm trao đổi thống nhất và phối hợp việc thực hiện nhiệm vụ năm học, tiếp thu ý kiến đóng góp về công tác quản lý của nhà trường, về các biện pháp giáo dục học sinh, giải quyết các kiến nghị của phụ huynh [H4-4.1-01]; [H4-4.1-02]. Còn 5% phụ huynh toàn trường chưa thật sự quan tâm đến việc học tập của con em mình, không tham gia đầy đủ các cuộc họp phụ huynh thường kỳ của lớp.

Mức 2:

- Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, không có tình trạng học **sinh bỏ học**.

- Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp hiệu quả với nhà trường trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; phối hợp hỗ trợ quỹ CMHS trên tinh thần tự nguyện để khen thưởng học sinh cuối năm **[H5-5.5-02]; [H4-4.1-02]**.

Mức 3:

- Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

- Ban Đại diện cha mẹ học sinh phối hợp với nhà trường trong các buổi sinh hoạt tập thể, họp cha mẹ học sinh, lễ khai giảng và tổng kết năm học. Có tuyên truyền trong phụ huynh, trong cộng đồng dân cư về nội dung, phương pháp và cách đánh giá học sinh tiểu học theo Thông tư 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 8 năm 2014; Thông tư 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 9 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 8 năm 2014 về quy định đánh giá học sinh tiểu học. Tuy nhiên, một số phụ huynh chưa thật sự quan tâm đến việc học của con em mình nên hiệu chưa đúng

về cách đánh giá học sinh tiểu học theo Thông tư 22//2016/TT-BGDĐT [H4-4.1-02].

2. Điểm mạnh:

- Ban đại diện cha mẹ học sinh trường được thành lập và hoạt động có hiệu quả, theo đúng quy định của Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh; cha mẹ học sinh nhiệt tình tham gia, quan tâm đến các hoạt động giáo dục của trường.

- Ban đại diện cha mẹ học sinh thực hiện tốt vai trò phối hợp với trường và các lực lượng giáo dục bên ngoài nhà trường trong công tác giáo dục học sinh toàn diện, tạo môi trường sư phạm an toàn, lành mạnh.

3. Điểm yếu:

5% Phụ huynh các lớp trong toàn trường chưa thật sự quan tâm đến việc học tập của con em mình, không tham gia đầy đủ các cuộc họp phụ huynh thường kỳ của lớp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Năm học 2023-2024 và các năm học tới, hiệu trưởng đề ra tiêu chí bầu chọn cha mẹ học sinh các lớp và Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường nhằm đảm bảo sự tham gia thường xuyên của từng thành viên trong Ban đại diện cha mẹ học sinh; vận động Ban đại diện cha mẹ học sinh tham gia đầy đủ và chủ động góp ý xây dựng các hoạt động giáo dục của trường. Nhà trường tiếp tục duy trì cơ chế phối hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh trong việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục; tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi để Ban đại diện cha mẹ học sinh của lớp và của trường thực hiện đầy đủ các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường.

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để thực hiện KHGD của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; **tham quan** di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.

Mức 3

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Trong quá trình hoạt động, nhà trường luôn chủ động tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương về kế hoạch và biện pháp thực hiện nhằm nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường. Hằng tháng, Bí thư chi bộ dự họp giao ban thường kỳ báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ tháng và nhận sự chỉ đạo trực tiếp của Đảng ủy, Ủy ban Nhân dân phường Hiệp Bình Chánh [H1-1.3-10]; [H1-1.3-11].

b) Nhà trường và công an phường thực hiện quy chế phối hợp đảm bảo được an ninh trật tự trường học, an toàn tài sản; Công an khu vực và bảo vệ khu

phổ nhiệt tình giúp đỡ không có hiện tượng xấu xâm nhập vào nhà trường, phối hợp giải quyết không có ứn tắc giao thông trước cổng trường [H1-1.10-09].

c) Thực hiện chủ trương xã hội hóa giáo dục, nhà trường được các tổ chức, đoàn thể, cá nhân trên tinh thần tự nguyện tài trợ về kinh phí tặng học bổng, tặng quà cho học sinh nghèo hiếu học [H4-4.2-02]. Tuy nhiên, việc huy động kinh phí tự nguyện từ các tổ chức, cá nhân còn ít nên kinh phí hỗ trợ cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn chưa đạt kết quả như mong muốn.

Mức 2:

a) Có tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền, địa phương để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển [H1-1.1-01].

b) Trong các năm học, nhà trường đều có kế hoạch rõ ràng, cụ thể để thực hiện và đã tổ chức cho học sinh chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa, chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với nước, mẹ Việt Nam Anh hùng ở địa phương một cách có hiệu quả [H1-1.1-03]; [H1-1.3-06]; [H1-1.8-02].

Mức 3:

- Nhà trường luôn chủ động tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương về kế hoạch và các biện pháp chiến lược phát triển nhà trường, phối hợp với các tổ chức đoàn thể để xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh trong nhà trường và ở địa phương [H1-1.3-10]; [H1-1.3-11].

2. Điểm mạnh:

- Môi quan hệ giữa nhà trường và chính quyền địa phương được thực hiện tốt, giúp giữ vững an ninh trật tự, an toàn tài sản nhà trường.

Nhà trường thường xuyên phối hợp với tổ chức, đoàn thể, cá nhân của địa phương để xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh. Chỉ đạo cho Đoàn - Đội cho học sinh kí bản cam kết an toàn giao thông.

3. Điểm yếu:

- Việc phối hợp với các đoàn thể, tổ chức, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức chưa thường xuyên, các hình thức tổ chức chưa phong phú.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

- Từ năm học 2019-2020, Bí thư chi bộ và Hiệu trưởng tiếp tục phát huy và duy trì tốt mối quan hệ giữa nhà trường với cấp ủy Đảng và chính quyền địa phương; Tham mưu tích cực với chính quyền địa phương để nhận sự hỗ trợ, giúp nhà trường luôn giữ vững an ninh trật tự, an toàn giao thông, an toàn tài sản; Tăng cường công tác xã hội hóa giáo dục, vận động có hiệu quả các nguồn tài trợ để chăm lo cho học sinh.

- Năm học 2019-2020, Hiệu trưởng tiếp tục tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền và công an phường Hiệp Bình Chánh hợp tác với lực lượng dân phòng không để tình trạng mất an ninh trật tự và ùn tắc giao thông trước cổng trường vào giờ cao điểm khi học sinh ra về buổi chiều.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1

Kết luận về Tiêu chuẩn 4:

Điểm mạnh nổi bật:

- Ban đại diện cha mẹ học sinh trường được thành lập và hoạt động đạt hiệu quả theo đúng quy định Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh; cha mẹ học sinh nhiệt tình tham gia, quan tâm đến các hoạt động giáo dục của trường.

- Nhà trường thực hiện tốt công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức đoàn thể địa phương để thực hiện kế hoạch giáo dục.

- Nhà trường đã tạo được mối quan hệ gắn bó chặt chẽ với Ban đại diện cha mẹ học sinh và các ban ngành, đoàn thể, chính quyền, nhân dân địa phương trong việc nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện học sinh.

Điểm yếu cơ bản:

Nhà trường chưa thực hiện việc xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

Kết quả đánh giá các tiêu chí:

- Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 05/05

- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/05

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục

Mở đầu:

- Trường Tiểu học Bình Triệu tổ chức thực hiện tốt chương trình giáo dục, triển khai hiệu quả các nội dung giáo dục trong nhà trường; xây dựng, triển khai và thực hiện tốt kế hoạch, nội dung giáo dục trên cơ sở văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh, Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Thủ Đức. Nhà trường đã đề ra các biện pháp phù hợp để nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

- Nhà trường chấp hành và thực hiện tốt việc đánh giá, xếp loại học sinh theo tinh thần Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT và Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT; bên cạnh đó, đề ra những biện pháp nhằm bồi dưỡng đội ngũ học sinh có năng khiếu cũng như rèn luyện học sinh chưa hoàn thành nội dung môn học.

- Nhà trường thực hiện có hiệu quả công tác phổ cập giáo dục tiểu học, phối hợp với chính quyền địa phương và các tổ chức đoàn thể, các lực lượng giáo dục bên ngoài nhà trường cùng tham gia. Trường tổ chức nhiều hoạt động ngoài giờ lên lớp phong phú và phù hợp với thực tế địa phương, học sinh tham gia rất tích cực.

Tiêu chí 5.1: Kế hoạch giáo dục của nhà trường

Mức 1:

a) Đảm bảo theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học, các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục;

b) Đảm bảo mục tiêu giáo dục toàn diện thông qua các hoạt động giáo dục được xây dựng trong kế hoạch;

c) Được giải trình và được cơ quan có thẩm quyền xác nhận.

Mức 2:

a) *Đảm bảo tính cập nhật các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục;*

b) *Được phổ biến, công khai để giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh, cộng đồng biết và phối hợp, giám sát nhà trường thực hiện kế hoạch.*

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Trường xây dựng kế hoạch giáo dục và chỉ đạo, hướng dẫn giáo viên đảm bảo thực hiện nghiêm túc Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05 tháng 5 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định về chuyên môn của Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Thủ Đức. Nhà trường thực hiện nghiêm túc chương trình giáo dục, xây dựng kế hoạch chuyên môn theo từng năm học, tháng, tuần một cách cụ thể, rõ ràng và thực hiện nghiêm chỉnh, đầy đủ nội dung kế hoạch đề ra [H1-1.1-01]; [H1-1.8-01].

b) Kế hoạch giáo dục của trường đảm bảo mục tiêu giáo dục toàn diện thông qua các hoạt động giáo dục được xây dựng trong kế hoạch; ngoài giáo dục về văn hóa, trường chú trọng các hoạt động giáo dục kỹ năng sống, thể dục thể thao, âm nhạc, mỹ thuật, tin học giúp học sinh có cơ hội để phát triển toàn diện bản thân. Nhà trường thực hiện dạy học đủ các môn, đúng chương trình kế hoạch, đảm bảo yêu cầu theo chuẩn kiến thức, kỹ năng, đảm bảo mục tiêu giáo dục toàn diện. Bên cạnh đó, nhà trường đã xây dựng kế hoạch giảng dạy và học tập từng môn học rất cụ thể, chi tiết thực hiện nghiêm túc theo công văn hướng dẫn giảng dạy, phân phối chương trình của Bộ, Sở Giáo dục và Đào tạo, tuyệt đối không để xảy ra hiện tượng cắt xén hoặc dồn ép chương trình [H1-1.1-01].

- Tổ chức triển khai cho toàn thể giáo viên trực tiếp giảng dạy thực hiện đồng bộ các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học mới đáp ứng khả năng nhận thức và phát triển cho học sinh trong điều kiện thực tế của nhà trường. Tuy

nhiên, còn một số ít giáo viên chưa mạnh dạn vận dụng các phương pháp dạy học qua sử dụng thiết bị hiện đại [H1-1.8-01]

c) Hằng năm, kế hoạch giáo dục của nhà trường được giải trình và được Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Thủ Đức phê duyệt [H1-1.1-03].

Mức 2:

a) Hằng năm, căn cứ vào nhiệm vụ của ngành, tình hình thực tế của địa phương và tình hình học sinh, nhà trường xây dựng kế hoạch hoạt động chuyên môn. Kế hoạch tháng được xây dựng dựa trên kế hoạch năm học và có chủ đề riêng. Kế hoạch tuần được cập nhật tại phòng giáo viên để tất cả thành viên trong nhà trường cùng theo dõi [H1-1.4-07]; [H1-1.6-04].

b) Kế hoạch giáo dục của trường cũng như các văn bản quy định liên quan đến các hoạt động giáo dục trong nhà trường đều được thảo luận trong hội nghị cán bộ, công chức, viên chức và đại hội cha mẹ học sinh; công khai và niêm yết tại phòng giáo viên, trên trang website của trường để tất cả cán bộ, giáo viên, nhân viên và cha mẹ học sinh có thể theo dõi. Ngoài ra, những nội dung có liên quan đến công tác giáo dục học sinh cũng được thông tin đến cha mẹ học sinh và cộng đồng địa phương biết để cùng nhà trường phối hợp thực hiện. Hằng tháng nhà trường có kế hoạch kiểm tra, rà soát đánh giá kịp thời về thực hiện kế hoạch thời gian năm học cũng như kế hoạch giảng dạy và học tập hằng tháng [H1-1.6-09]; [H1-1.6-10]; [H4-4.1-01].

2. Điểm mạnh:

- Nhà trường xây dựng kế hoạch hoạt động chuyên môn, thực hiện đủ các môn học theo chương trình. Cán bộ quản lý chỉ đạo sâu sát các tổ khối, hỗ trợ giáo viên nâng cao chất lượng giảng dạy theo hướng đổi mới và thực hiện tốt chương trình giáo dục theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo.

- Việc kiểm tra, đánh giá thường xuyên hằng tháng của Ban giám hiệu giúp giáo viên nâng cao hơn ý thức thực hiện theo đúng kế hoạch giảng dạy và học tập, nâng cao chuyên môn nghiệp vụ để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

3. Điểm yếu:

Còn một số ít giáo viên chưa mạnh dạn vận dụng các phương pháp dạy học qua sử dụng thiết bị hiện đại, cập nhật công thông tin điện tử còn chậm.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

- Trong năm học 2023-2024 Hiệu trưởng tiếp tục quan tâm hơn nữa đến công tác xây dựng kế hoạch và đề ra các biện pháp hữu hiệu để thực hiện thành công chương trình năm học do Sở Giáo dục và Đào tạo đã đề ra. Giáo viên giảng dạy Tin học, giáo viên vững công nghệ thông tin sẽ hỗ trợ cho các giáo viên khác về việc soạn giáo án, báo cáo, cập nhật hồ sơ.

- Từ năm học 2019-2020, Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, tổ trưởng chuyên môn tăng cường kiểm tra, theo dõi, kiểm tra và đánh giá việc thực hiện kế hoạch cá nhân của giáo viên.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 5.2: Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học

Mức 1:

a) Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục đảm bảo mục tiêu giáo dục;

b) Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường;

c) Thực hiện đúng quy định về đánh giá học sinh tiểu học.

Mức 2:

a) Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh;

b) Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.

Mức 3:

Hàng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) **Tổ** chức có hiệu quả các hoạt động dạy học. Hình thành cho học sinh các kỹ năng học tập cơ bản: nghe, nói, đọc, viết và tính toán. Giáo viên dạy tích hợp các nội dung giáo dục trong các môn học như giáo dục an toàn giao thông, kỹ năng sống, giáo dục môi trường, giáo dục đạo đức Hồ Chí Minh... sao cho nhẹ nhàng, không áp đặt học sinh.

- Nhà trường tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo đúng quy định; đảm bảo mục tiêu dạy học và có thể hiện rõ trên thời khóa biểu năm học, kế hoạch hoạt động chuyên môn từng năm học, tháng. Giáo viên dạy đủ các môn học, đúng chương trình, kế hoạch đảm bảo yêu cầu theo chuẩn kiến thức và kỹ năng [H1-1.5-01].

- Nhà trường vận dụng tốt công văn 896/BGDĐT-GDTH ngày 13 tháng 02 năm 2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Hướng dẫn điều chỉnh việc dạy và học cho học sinh tiểu học và văn bản 5842/BGDĐT-VP ngày 01 tháng 9 năm 2011 về việc Hướng dẫn điều chỉnh việc dạy học cho học sinh tiểu học. Các tổ chuyên môn xây dựng thời khóa biểu ngay từ đầu năm học, hợp lý, đúng quy định [H1-1.8-01]; [H5-5.2-01].

b) Nhà trường thường xuyên tổ chức các chuyên đề vận dụng phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học tích cực để giáo viên học tập, bồi dưỡng nâng cao chuyên môn nghiệp vụ. Tập huấn, bồi dưỡng cho toàn thể giáo viên trực tiếp giảng dạy các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học mới

do Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo triển khai như phương pháp Bàn tay nặn bột, Dạy học mỹ thuật theo phương pháp Đan Mạch, Dạy học âm nhạc theo phương pháp hiện đại, ... Giáo viên vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh của lớp và điều kiện thực tế của nhà trường. Tham gia tốt các hội thi. Tổ khối thường xuyên bàn bạc, thống nhất các hoạt động dạy và hình thức tổ chức lớp trong các tiết học [H1-1.4-14].

c) Nhà trường thực hiện đúng quy định về đánh giá học sinh tiểu học quy định thông tư 30/2014/TT-BGDĐT đánh giá học sinh tiểu học; thông tư 22/2016/TT-BGDĐT, ngày 22 tháng 9 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo tạo động lực cho học sinh phát triển toàn diện về kiến thức, năng lực và phẩm chất. Đảm bảo sự công bằng cho học sinh qua việc thực hiện điều chỉnh qui định và cách tính bài kiểm tra định kì môn Tiếng Việt theo công văn số 743/GDĐT ngày 18/9/2017 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn chuyên môn cấp tiểu học năm học 2017-2018 [H5-5.2-03].

Mức 2:

a) Thường xuyên tổ chức các chuyên đề về dạy học phân hóa đối tượng học sinh để giáo viên học tập và thực hiện. Các tổ chuyên môn xây dựng thời khoá biểu ngay từ đầu năm học, hợp lý, đúng quy định [H1-1.4-05].

- Để giờ học sôi nổi, giáo viên chủ nhiệm các lớp luôn thiết kế các trò chơi cho học sinh tham gia, gần gũi, động viên, khuyến khích tạo không khí thoải mái. Ngoài ra, giáo viên thường xuyên tổ chức các hoạt động làm việc theo nhóm, tạo cơ hội cho học sinh tham gia vào quá trình học tập một cách tích cực, chủ động, sáng tạo, biết hợp tác, lắng nghe ý kiến người khác, tranh luận, biết chấp nhận đúng sai, thống nhất ý kiến. [H1-1.4-07].

- Trong các tiết học, học sinh chuẩn bị tốt đồ dùng học tập: vật thật, hình ảnh, sưu tầm nhiều tư liệu để phục vụ tốt cho việc học tập trên lớp. Các em đã

biết chủ động, chia sẻ với nhau trong quá trình tìm hiểu bài, thảo luận nhóm để giúp đỡ nhau trong học tập [H1-1.4-06].

b) Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện. Giáo viên xây dựng kế hoạch và thực hiện phụ đạo học sinh yếu ngay từ giữa học kì 1. Ban giám hiệu thường xuyên theo dõi kết quả học tập của học sinh để kịp thời chỉ đạo giáo viên điều chỉnh kế hoạch chủ nhiệm lớp cho hợp lí. Tuy nhiên, học sinh chưa hoàn thành chương trình lớp học vẫn còn: [H1-1.8-01].

Số liệu	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024
Tỷ lệ học sinh chưa hoàn thành chương trình lớp học	19- 0,8 %	15- 0,6%	10- 0,4%	17- 0,7%	13- 0,5%

Mức 3:

- Hằng năm, nhà trường thực hiện việc phân tích, đánh giá những mặt đạt được và hạn chế để từ đó điều chỉnh, bổ sung các giải pháp trong quá trình thực hiện nhiệm vụ nhằm nâng cao chất lượng dạy và học của giáo viên, học sinh [H1-1.4-07]; [H1-1.8-03]. Do sĩ số học sinh của mỗi lớp còn khá đông nên đôi lúc giáo viên còn khó khăn trong việc vận dụng một số phương pháp dạy học mới.

2. Điểm mạnh:

- Công tác đổi mới phương pháp dạy học nhằm khuyến khích sự chuyên cần, tích cực chủ động, ý thức vươn lên rèn luyện khả năng tự học của học sinh được nhà trường thực hiện thường xuyên và có hiệu quả từ nhiều năm nay. Trong đó việc hướng dẫn cho học sinh sử dụng hợp lý sách giáo khoa, việc ứng dụng công nghệ thông tin phù hợp của giáo viên, việc đổi mới kiểm tra đánh giá và hướng dẫn học sinh tự đánh giá được đặc biệt chú ý thực hiện có hiệu quả.

- Giáo viên thường xuyên tổ chức các hoạt động làm việc theo nhóm, tạo cơ hội cho học sinh tham gia vào quá trình học tập một cách tích cực, chủ động, sáng tạo, biết hợp tác, lắng nghe ý kiến người khác, tranh luận, biết chấp nhận đúng sai, thống nhất ý kiến.

- Trong các tiết học, học sinh chuẩn bị tốt đồ dùng học tập: vật thật, hình ảnh, sưu tầm nhiều tư liệu để phục vụ tốt cho việc học tập trên lớp. Các em đã biết chủ động, chia sẻ với nhau trong quá trình tìm hiểu bài, thảo luận nhóm để giúp đỡ nhau trong học tập.

- Nhà trường có kế hoạch hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp với nội dung, biện pháp cụ thể trong điều kiện thực tế của nhà trường.

3. Điểm yếu:

- Còn học sinh chưa hoàn thành chương trình lớp học qua các năm học.
- Sĩ số học sinh của mỗi lớp còn khá đông nên đôi lúc giáo viên còn khó khăn trong việc vận dụng một số phương pháp dạy học mới.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

- Từ năm học 2019-2020, Hiệu trưởng tiếp tục chỉ đạo giáo viên thực hiện dạy đủ các môn học, theo đúng chương trình, kế hoạch, đảm bảo yêu cầu chuẩn kiến thức, kỹ năng, lựa chọn phương pháp, hình thức tổ chức phù hợp với từng đối tượng học sinh, phù hợp điều kiện thực tế của nhà trường. Có kế hoạch cho giáo viên tự bồi dưỡng nâng cao trình độ, ứng dụng tốt công nghệ thông tin và đổi mới phương pháp dạy học nhằm phát huy tinh thần tích cực chủ động sáng tạo của học sinh hơn.

- Phó hiệu trưởng phối hợp với các tổ chuyên môn tiếp tục triển khai, phổ biến cho giáo viên nội dung, kế hoạch giáo dục; hướng dẫn, chia sẻ để giáo viên lựa chọn phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với tình hình thực tế. Lấy tổ chuyên môn làm đơn vị chủ chốt trong việc triển khai các chuyên đề về đổi mới phương pháp dạy học và đổi mới kiểm tra đánh giá học sinh trong suốt thời gian các năm học. Tổ chức chuyên đề, tiết thao giảng hiệu quả hơn nhằm phát

hiện học sinh năng khiếu để bồi dưỡng và phụ đạo học sinh kịp thời và phù hợp hơn để hạn chế tối đa học sinh chưa hoàn thành. Tuyên dương, nhân rộng những giáo viên tích cực đổi mới phương pháp giảng dạy sao cho tất cả học sinh đều tham gia.

- Cập nhật, triển khai và thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018, thực hiện lựa chọn bộ sách giáo khoa lớp 1 đúng tiến độ, tham gia tập huấn đầy đủ có chất lượng.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1

Tiêu chí 5.3: Thực hiện các hoạt động giáo dục khác

Mức 1:

a) Đảm bảo theo kế hoạch;

b) Nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động phong phú, phù hợp điều kiện của nhà trường;

c) Đảm bảo cho tất cả học sinh được tham gia.

Mức 2:

Được tổ chức có hiệu quả, tạo cơ hội cho học sinh tham gia tích cực, *chủ động, sáng tạo.*

Mức 3:

Nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động phân hóa theo nhu cầu, năng lực sở trường của học sinh.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Hằng năm, nhà trường đều xây dựng kế hoạch các hoạt động giáo dục khác nhằm tạo điều kiện cho học sinh được phát triển toàn diện. Các hoạt động giáo dục khác như tham quan dã ngoại, hoạt động ngoại khóa, thể dục thể thao, văn nghệ, ... đảm bảo thực hiện đầy đủ theo đúng kế hoạch đề ra. Trường xây

dựng kế hoạch hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp. Thực hiện hồ sơ Đội đầy đủ. Kế hoạch Văn thể mỹ với những nội dung, hình thức và biện pháp thực hiện cụ thể, thích hợp trong điều kiện của trường [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02].

b) Trong năm học, trường tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp cho học sinh tham gia dưới nhiều hình thức đa dạng, phù hợp lứa tuổi như: Ngày hội đọc sách, hội thi viết đúng viết đẹp, thi ca múa hát, thi thể dục thể thao, vẽ tranh, biểu diễn thời trang, múa dân vũ,...; hội thi văn nghệ, làm thiệp, trang trí mai đào, hội thi chủ đề về An toàn giao thông “Chiếc ô tô mơ ước”, hội thi “Nét vẽ xanh“, hội thi “Ý tưởng trẻ thơ”; tham quan học tập ngoại khóa; ngày thành lập Quân Đội nhân dân Việt Nam 22/12; ... Hoạt động lễ hội trong các ngày 20/11, Giỗ Tổ Hùng Vương... tổ chức cho học sinh vui chơi các trò chơi dân gian. Ngoài ra, Nhà trường tổ chức nhiều hoạt động để học sinh tham gia bảo vệ môi trường như: thu gom kế hoạch nhỏ, không xả rác, trồng và chăm sóc cây xanh, vệ sinh sân trường, lớp học [H1-1.8-02]; [H5-5.3-02]; [H5-5.3-03].

c) Các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động tham quan học tập ngoài nhà trường cho học sinh được sự đồng thuận, nhất trí cao từ cha mẹ học sinh, học sinh tham gia tích cực trong các ngày hội. Nhà trường tạo điều kiện cho 100% học sinh được tham gia các hoạt động tham quan học tập. Nhà trường luôn có lập kế hoạch, phân công nhiệm vụ từng cán bộ, giáo viên, nhân viên và có sự phối hợp chặt chẽ của các đoàn thể. Kế hoạch được triển khai một cách cụ thể và kịp thời để đảm bảo tốt công tác tổ chức [H1-1.1-02]; [H1-1.8-02].

- Nhà trường luôn duy trì công tác chăm lo và hỗ trợ trẻ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, vận động các cá nhân, đoàn thể chung sức giúp các em học sinh có hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn về kinh tế với các hình thức: tặng học bổng, tặng quà nhân dịp tết Nguyên đán, tết Trung thu, đồng thời tạo mọi điều kiện và phân công giáo viên tâm huyết, có kinh nghiệm giúp trẻ khuyết tật học hoà nhập... [H4-4.2-02].

Mức 2:

- Nhà trường luôn quan tâm và tạo điều kiện cho học sinh tham gia tốt các hội thi, giao lưu: Hội thi Vở sạch chữ đẹp, Hội thi giải Lê Quý Đôn trên báo Nhi đồng, thi Olympic Toán và Olympic tiếng Anh qua mạng và các giải thể dục thể thao do quận, thành phố tổ chức [H1-1.1-02]; [H1-1.3-14].

- Nhằm định hướng cho học sinh cách sống tích cực và phát triển toàn diện trong xã hội hiện đại, ngoài việc trang bị những kiến thức cơ bản nhà trường còn tổ chức giáo dục, rèn luyện các kỹ năng sống phù hợp với độ tuổi học sinh thông qua các giờ học trên lớp như môn Tự nhiên và xã hội, Khoa học, Đạo đức... cũng như các buổi sinh hoạt đầu tuần, sinh hoạt Sao nhi đồng, sinh hoạt Đội, sinh hoạt lớp; tuyên truyền giáo dục sức khỏe, tuyên truyền các bệnh mùa nắng, bệnh sốt xuất huyết, bệnh tay chân miệng, bệnh giun sán, tật khúc xạ mắt, bệnh béo phì,... [H1-1.10-07]; [H1-1.10-08]; [H1-1.10-04]. Hợp đồng với Trung tâm dạy kỹ năng sống **Gaia** để giảng dạy và tổ chức các chuyên đề liên quan. Tuy nhiên do ảnh hưởng từ sinh hoạt gia đình nên việc rèn kỹ năng sống của học sinh còn hạn chế.

Mức 3:

- Để đáp ứng nhu cầu và năng lực sở trường của học sinh, nhà trường thành lập các câu lạc bộ thu hút học sinh tham gia như câu lạc bộ bóng đá, võ thuật, ... nhằm tạo điều kiện cho nhiều đối tượng học sinh tham gia, phát triển năng khiếu học sinh. Bên cạnh đó, từ năm học 2018-2019, trường đã đưa các hoạt động giáo dục khác để phát triển kỹ năng sống cho học sinh [H5-5.3-01]. Tuy nhiên, tỷ lệ học sinh tham gia hoạt động ngoại khóa ngoài nhà trường chưa đạt 100%.

- Nhà trường chưa thực hiện được nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động phân hóa theo nhu cầu, năng lực sở trường của học sinh.

2. Điểm mạnh:

- Nhà trường tổ chức tốt các hoạt động trải nghiệm ngoài giờ lên lớp với nhiều hình thức đa dạng, phong phú và phù hợp với lứa tuổi học sinh. Qua đó

giáo dục học sinh được ý thức tập thể, tinh thần đồng đội, lòng yêu quê hương, đất nước.

- Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh tích cực tham gia các hoạt động ngoại khóa, giáo dục trải nghiệm ngoài giờ lên lớp; Kế hoạch cụ thể, phân công nhiệm vụ rõ ràng, triển khai kịp thời và có sự phối hợp chặt chẽ của các đoàn thể.

- Nhà trường chủ động, linh hoạt trong việc tổ chức thực hiện chương trình giáo dục, rèn kỹ năng sống cho học sinh với sự đầu tư nghiêm túc, nội dung phù hợp.

- 100% học sinh được học “Kỹ năng sống” ngoài giờ học tại trường do Trung tâm giáo dục Kỹ năng sống **Gaia** thực hiện. (1tiết/lớp/tuần).

3. Điểm yếu:

- Việc rèn kỹ năng sống của học sinh còn hạn chế. **Nhà** trường chưa thực hiện được nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động phân hóa theo nhu cầu, năng lực sở trường của học sinh.

- Tỷ lệ học sinh tham gia hoạt động ngoại khóa ngoài nhà trường chưa đạt 100%.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

- Từ năm học 2019-2020, Hiệu trưởng chỉ đạo bộ phận chuyên môn, phối hợp với các đoàn thể xây dựng, tổ chức các hoạt động trải nghiệm giáo dục ngoài giờ lên lớp cho học sinh phù hợp với điều kiện của lớp, của trường. Nhà trường tiếp tục tuyên truyền trong cha mẹ học sinh ý nghĩa, tầm quan trọng của hoạt động ngoại khóa, hoạt động trải nghiệm nhằm thu hút sự quan tâm của cha mẹ học sinh và tạo điều kiện thuận lợi nhất để học sinh được tham gia.

- Hiệu trưởng thường xuyên tổ chức và cải tiến phương thức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, trò chơi dân gian cho học sinh. Mở các câu lạc bộ văn nghệ, thể dục thể thao thu hút học sinh tham gia. Đổi mới

hình thức tổ chức giờ sinh hoạt lớp, lồng ghép các hoạt động tập thể, các trò chơi dân gian.

- Có kế hoạch thành lập và huấn luyện đội tuyển thể dục thể thao ngay từ lớp 1 để tham gia Hội khỏe Phù Đổng các cấp; tập luyện thường xuyên cho đội văn nghệ trường, đổi mới các hình thức biểu diễn, nâng cao chất lượng văn nghệ quần chúng trong học sinh.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1

Tiêu chí 5.4: Công tác phổ cập giáo dục tiểu học

Mức 1:

- a) Thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục theo phân công;*
- b) Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 90%;*
- c) Quản lý hồ sơ, số liệu phổ cập giáo dục tiểu học đúng quy định.*

Mức 2:

Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 95%.

Mức 3:

Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 98%.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) **Hiệu** trưởng phân công giáo viên phụ trách công tác phổ cập giáo dục. Nhà trường đã xây dựng kế hoạch và phối hợp với địa phương thực hiện tốt công tác phổ cập giáo dục tiểu học; tuyên truyền để cha mẹ đưa con ra lớp đúng độ tuổi. Qua việc phối hợp trên, trường đã nắm được cụ thể về số liệu, thông tin phổ cập giáo dục trên địa bàn để đưa ra biện pháp thực hiện mục tiêu phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, ngăn chặn hiện tượng tái mù chữ ở địa phương. Nhà trường phối hợp tốt với chính quyền địa phương thực hiện nhiệm vụ phổ

cấp giáo dục tiểu học đạt được hiệu quả, thông qua các biện pháp phòng, chống bỏ học, hạn chế tỷ lệ học sinh lưu ban cuối năm học [H1-1.6-02]; [H5-5.4-01].

b) Trường thực hiện tốt công tác tuyển sinh lớp đầu cấp, phối hợp với chính quyền địa phương huy động đưa trẻ ra lớp. Kết quả huy động trẻ 6 tuổi ra lớp 1 hằng năm đạt 100%; Trường tổ chức tốt Ngày hội toàn dân đưa trẻ đến trường bằng nhiều hình thức, tạo sự vui tươi, phấn khởi trong học sinh [H5-5.4-01].

c) Quản lý hồ sơ, số liệu phổ cập giáo dục tiểu học theo quy định tại Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24 tháng 03 năm 2014 của Chính phủ về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ [H1-1.6-02]; [H5-5.4-01]. Việc ghi nhận số đăng bộ còn sửa sai, cập nhật số liệu đầu năm còn chậm.

Mức 2:

Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020, trong công tác tuyển sinh trên địa bàn của trường, mỗi năm, tỷ lệ trẻ em 06 tuổi vào lớp 1 luôn đạt được 100% [H5-5.4-01].

Mức 3:

Trong 5 năm qua, tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 trên địa bàn tuyển sinh của trường mỗi năm học đều đạt 100% [H5-5.4-01]. Nhà trường vẫn còn tiếp nhận những trường hợp cha mẹ học sinh nộp hồ sơ nhập học vào lớp Một trễ so với thời gian quy định.

2. Điểm mạnh:

- Nhà trường phối hợp cùng chính quyền địa phương thực hiện tốt công tác phổ cập giáo dục tiểu học. Quan tâm tốt đến công tác chăm lo và hỗ trợ cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn. Không có tình trạng học sinh bỏ học vì hoàn cảnh gia đình khó khăn.

- Tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 của trường trên địa bàn phường luôn đảm bảo 100%.

3. Điểm yếu:

Một số cha mẹ học sinh nộp hồ sơ nhập học vào lớp Một trễ so với thời gian quy định. Việc ghi nhận sổ đăng bộ còn sửa sai, cập nhật số liệu đầu năm còn chậm.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

- Từ năm học 2019-2020, Hiệu trưởng tiếp tục chỉ đạo công tác thực hiện phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi theo từng năm học; phối hợp chặt chẽ với các đoàn thể của địa phương trên địa bàn để trao đổi thông tin và điều tra nắm bắt số liệu kịp thời, chính xác. Trong thời gian thực hiện công tác tuyển sinh, Hội đồng tuyển sinh sẽ tăng cường công tác phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong việc rà soát, thông báo cha mẹ học sinh có trẻ vào lớp Một đến trường làm thủ tục nhập học đúng thời gian quy định.

- Thực hiện tốt phong trào xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực. Huy động mọi nguồn lực hỗ trợ cho học sinh nghèo, các em học sinh có hoàn cảnh khó khăn nhằm tiếp thêm niềm tin, thêm nghị lực để các em được đến trường.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 5.5: Kết quả giáo dục

Mức 1:

- a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 70%;
- b) Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 65%;
- c) Tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 80% đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 70%.

Mức 2:

- a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 85%;
- b) Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 80%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 70%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học.

Mức 3:

- a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 95%;
- b) Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 90%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

- a) Hằng năm, nhà trường thực hiện việc thống kê kết quả học tập và rèn luyện của học sinh sau mỗi học kỳ và cuối năm. Các số liệu thống kê đầy đủ, chính xác theo từng khối lớp và toàn trường theo đúng quy định. Tỷ lệ học sinh đánh giá hoàn thành trở lên luôn đạt trên 99% [H5-5.5-02]

Số liệu	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024
Học sinh đánh giá hoàn thành chương trình lớp học/ tổng số học sinh	2333/2352 99,2%	2410/2425 99,4%	2457/2492 99,6%	2475/2492 99,3%	2383/2396 99,5%

- b) Trong 05 năm qua, tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học của trường luôn đảm bảo trên 90% [H5-5.5-03].

Số liệu	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024
Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học	100%	100%	100%	100%	100%

- c) Trường không có trường hợp học sinh quá 14 tuổi đang theo học tại trường [H1-1.6-01].

Mức 2:

a) Trong 05 năm học vừa qua, tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học trong những năm qua đạt trên 99% [H5-5.5-02];

b) Bên cạnh đó, tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học luôn đảm bảo trên 90% [H5-5.5-03]

Mức 3:

a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học trong những năm qua đạt 95% trở lên [H5-5.5-02]

b) Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học chưa đảm bảo là 100% vì có học sinh chưa hoàn thành chương trình lớp học ở những năm học trước, các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học [H5-5.5-02]; [H5-5.5-03].

2. Điểm mạnh:

- Kết quả xếp loại giáo dục của học sinh trong trường được giữ vững, đáp ứng mục tiêu giáo dục hằng năm. Nhà trường thực hiện tốt công tác tuyên truyền vận động học sinh đến trường, tạo các sân chơi hấp dẫn, lành mạnh để thu hút học sinh yêu thích trường lớp, tự nguyện đến trường hạn chế học sinh bỏ học.

3. Điểm yếu:

Trong từng năm học, trường còn học sinh chưa hoàn thành chương trình lớp học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Từ năm học 2019-2020 và những năm tiếp theo, Hiệu trưởng tiếp tục có kế hoạch duy trì và nâng cao kết quả học tập của học sinh các khối lớp. Giáo viên tiếp tục tăng cường đổi mới phương pháp, chia sẻ kinh nghiệm công tác phụ đạo học sinh chưa đạt chuẩn kiến thức kỹ năng; quan tâm đối tượng học sinh khuyết tật học hòa nhập để đảm bảo tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học và tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học.

5 Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 5:

Điểm mạnh nổi bật:

- Kế hoạch giáo dục của trường đảm bảo theo mục tiêu giáo dục toàn diện thông qua các hoạt động giáo dục đã xây dựng trong kế hoạch được Phòng Giáo dục và Đào tạo phê duyệt hàng năm.
- Kế hoạch giáo dục của trường đảm bảo tốt mục tiêu giáo dục toàn diện; tổ chức tốt các hoạt động trải nghiệm ngoài giờ lên lớp.
- Nhà trường thông tin, công khai kịp thời những nội dung giáo dục đến cán bộ, giáo viên, nhân viên và cha mẹ học sinh để cùng phối hợp thực hiện.
- Trường xây dựng thời khóa biểu, tổ chức dạy học đúng, đủ theo phân phối chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo và phù hợp với tình hình, đặc điểm của trường; thực hiện đúng quy định về đánh giá học sinh.
- Trường phối hợp chặt chẽ cùng địa phương tổ chức điều tra, thực hiện tốt công tác phổ cập giáo dục tiểu học; tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 trên địa bàn phường luôn đảm bảo 100%.

Điểm yếu cơ bản:

Trường còn học sinh chưa hoàn thành chương trình lớp học; tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học chưa đảm bảo 100% vì có học sinh lưu ban ở những năm học trước.

Kết quả đánh giá các tiêu chí:

- Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 05/05
- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/05

II. KẾT LUẬN CHUNG

- Trong quá trình thực hiện báo cáo tự đánh giá chất lượng giáo dục giai đoạn 2015-2020, trường Tiểu học Bình Triệu đã đối chiếu với 05 tiêu chuẩn đánh giá trường tiểu học theo Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và nhận thấy nhà trường đã đạt được kết quả như sau:

+ Các tiêu chí đạt Mức 1: 16/27, tỷ lệ 59,3%

Các tiêu chí không đạt Mức 1: 11/27, tỷ lệ 40,7%

+ Các tiêu chí đạt Mức 2: 09/27, tỷ lệ 33,3%

Các tiêu chí không đạt Mức 2: 18/27, tỷ lệ 66,7%

+ Các tiêu chí đạt Mức 3: 02/27, tỷ lệ 7,4%

Các tiêu chí không đạt Mức 3: 25/27, tỷ lệ 92,6%

- Mức đánh giá của Trường Tiểu học Bình Triệu: Mức 1

Căn cứ vào Điều 6 và Điều 34 Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia đối với Trường tiểu học Bình Triệu. **Trường Tiểu học Bình Triệu đề nghị đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 1.**

Thủ Đức, ngày 27 tháng 4 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

Phạm Thị Nghĩa

Phần IV: PHỤ LỤC

Bảng danh mục mã minh chứng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Nơi lưu trữ
Tiêu chí 1.1	1	[H1-1.1-01]	Kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường	Giai đoạn 20019-2024	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	2	[H1-1.1-02]	Báo cáo tổng kết	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Văn thư
	3	[H1-1.1-03]	Kế hoạch năm học	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Văn thư
Tiêu chí 1.2	4	[H1-1.2-01]	Quyết định Thành lập Hội đồng trường.		Hiệu trưởng	Văn thư
	5	[H1-1.2-02]	Quyết định bổ sung Hội đồng trường		Phòng Giáo dục và Đào tạo TP Thủ Đức	Văn thư
	6	[H1-1.2-03]	Quyết định thành lập Hội	Từ năm học 2019-	Hiệu trưởng	Văn thư

			đồng thi đua khen thưởng	2020 đến năm học 2023-2024		
	7	[H1-1.2-04]	Quyết định thành lập Hội đồng chấm sáng kiến kinh nghiệm	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Văn thư
	8	[H1-1.2-05]	Quyết định thành lập Hội đồng kiểm tra định kỳ	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Văn thư
	9	[H1-1.2-06]	Sổ biên bản họp Hội đồng trường	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Văn thư
Tiêu chí 1.3	10	[H1-1.3-01]	Quyết định chuẩn y Ban chấp hành Công đoàn. Danh sách công đoàn viên trường	Nhiệm kì 2017-2022 Nhiệm kỳ	Công đoàn	Công đoàn
	11	[H1-1.3-02]	Quyết định chuẩn y Ban chấp hành Chi đoàn. Danh sách đoàn viên trường	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Đoàn phường Hiệp Bình Chánh	Chi đoàn
	12	[H1-1.3-03]	Quyết định chuẩn y Ban chỉ huy Liên đội. Danh sách Sao nhi đồng	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Hội đồng đội	Tổng phụ trách Đội

	13	[H1-1.3-04]	Hoạt động của Hội chữ thập đỏ trường.	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Y tế
	14	[H1-1.3-05]	Báo cáo của Công đoàn trường	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Ban Chấp hành Công đoàn	Ban Chấp hành Công đoàn
	15	[H1-1.3-06]	Báo cáo của Chi đoàn	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Ban Chấp hành Chi đoàn	Ban Chấp hành Chi đoàn
	16	[H1-1.3-07]	Quyết định thành lập Chi bộ trường TH Bình Triệu	Năm 2010	Đảng ủy phường Hiệp Bình Chánh	Bí thư Chi bộ
	17	[H1-1.3-08]	Quyết định chuẩn y Chi ủy, Bí thư, phó bí thư chi bộ trường Tiểu học Bình Triệu	Nhiệm kỳ 2014-2017; Nhiệm kỳ 2017-2020; Nhiệm kỳ 2020-2022	Đảng ủy phường Hiệp Bình Chánh	Bí thư Chi bộ
	18	[H1-1.3-09]	Danh sách đảng viên	Từ năm 2019 đến năm 2024	Bí thư Chi bộ	Bí thư Chi bộ
	19	[H1-1.3-10]	Sổ biên bản sinh hoạt Chi bộ	Từ năm 2019 đến năm 2024	Bí thư Chi bộ	Bí thư Chi bộ
	20	[H1-1.3-11]	Nghị quyết của Chi bộ	Nhiệm kỳ 2014-2017; Nhiệm kỳ 2017-2020; Nhiệm kỳ 2020-2022	Bí thư Chi bộ	Bí thư Chi bộ

	21	[H1-1.3-12]	Quyết định đánh giá, phân loại chất lượng tổ chức cơ sở Đảng	Từ năm 2019 đến năm 2023	Đảng ủy phường Hiệp Bình Chánh	Bí thư Chi bộ
	22	[H1-1.3-13]	Hình ảnh hoạt động của Công đoàn, Chi đoàn và Liên đội	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Phụ trách các bộ phận	Công đoàn, Chi đoàn, Đội.
	23	[H1-1.3-14]	Giấy khen của trường	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Các bộ phận	Các bộ phận
Tiêu chí 1.4	24	[H1-1.4-01]	Quyết định bổ nhiệm hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	HT:Quyết định số 1790/QĐ-UBND ngày 30/08/2005; PHT1:Quyết định số 707/QĐ-UBND ngày 14/09/2014; PHT2:Quyết định số 949/QĐ-UBND ngày 09/02/2009	Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức	Hiệu trưởng
	25	[H1-1.4-02]	Quyết định phân công tổ chuyên môn và tổ văn phòng	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Văn thư
	26	[H1-1.4-03]	Quyết định bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó chuyên	Từ năm học 2019-2020 đến năm học	Hiệu trưởng	Văn thư

			môn và tổ văn phòng	2023-2024		
	27	[H1-1.4-04]	Quyết định phân công nhiệm vụ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên.	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Văn thư
	28	[H1-1.4-05]	Kế hoạch hoạt động của tổ chuyên môn	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Tổ trưởng chuyên môn	Phó hiệu trưởng
	29	[H1-1.4-06]	Kế hoạch hoạt động năm học tổ văn phòng	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Tổ trưởng tổ văn phòng	Văn thư
	30	[H1-1.4-07]	Biên bản họp tổ chuyên môn	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Tổ trưởng chuyên môn	Phó hiệu trưởng
	31	[H1-1.4-09]	Hồ sơ kiểm tra nội bộ	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Văn thư
	32	[H1-1.4-10]	Hồ sơ chuẩn nghề nghiệp giáo viên	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Văn thư

	33	[H1-1.4-11]	Biên bản kiểm tra tài chính	Từ năm 2015 đến năm 2020	Phòng Tài chính-Kế hoạch quận Thủ Đức	Kế toán
	34	[H1-1.4-12]	Biên bản kiểm tra hồ sơ học vụ	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Văn thư
	35	[H1-1.4-13]	Hồ sơ đánh giá công chức, viên chức	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Văn thư
	36	[H1-1.4-14]	Kế hoạch tổ chức chuyên đề	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Phó hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng
Tiêu chí 1.5	37	[H1-1.5-01]	Thời khóa biểu	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Phó hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng
	38	[H1-1.5-02]	Danh sách học sinh toàn trường	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Văn thư
	39	[H1-1.5-04]	Sổ chủ nhiệm giáo viên	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Giáo viên	Phó hiệu trưởng

	40	[H1-1.5-05]	Danh sách học sinh lớp	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Giáo viên	Văn thư
Tiêu chí 1.6	41	[H1-1.6-01]	Sổ đăng bộ	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Văn thư	Văn thư
	42	[H1-1.6-02]	Hồ sơ phổ cập giáo dục tiểu học	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Văn thư	Văn thư
	43	[H1-1.6-03]	Học bạ	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Giáo viên	Văn thư
	44	[H1-1.6-04]	Sổ họp Hội đồng sư phạm	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Văn thư
	45	[H1-1.6-05]	Phần mềm quản lý nhân sự ePMIS, VPN	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Văn thư	Văn thư
	46	[H1-1.6-06]	Sổ quản lý tài sản; Sổ theo dõi công cụ, dụng cụ, ...	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Kế toán	Kế toán

	47	[H1-1.6-07]	Sổ công văn đến	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Văn thư	Văn thư
	48	[H1-1.6-08]	Sổ công văn đi	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Văn thư	Văn thư
	49	[H1-1.6-09]	Hồ sơ Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Hiệu trưởng, Chủ tịch Công đoàn	Chủ tịch Công đoàn, văn thư
	50	[H1-1.6-10]	Hồ sơ công khai	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Văn thư
	51	[H1-1.6-11]	Quy chế chi tiêu nội bộ	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Kế toán
	52	[H1-1.6-12]	Dữ liệu quản lý công tác giáo dục	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Nhân viên VP	Văn thư
Tiêu chí 1.7	53	[H1-1.7-01]	Hồ sơ đào tạo bồi dưỡng	Từ năm học 2019-2020 đến năm học	Phó hiệu trưởng	Văn thư

				2023-2024		
	54	[H1-1.7-02]	Hồ sơ tuyển dụng, hợp đồng	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Văn thư
	55	[H1-1.7-03]	Hồ sơ cán bộ, giáo viên, nhân viên	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Văn thư
	56	[H1-1.7-04]	Hồ sơ thi đua khen thưởng	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Hội đồng thi đua khen thưởng	Văn thư
	57	[H1-1.7-05]	Hồ sơ nâng lương và phụ cấp thâm niên	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Kế toán
Tiêu chí 1.8	58	[H1-1.8-01]	Kế hoạch chuyên môn	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Phó hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng
	59	[H1-1.8-02]	Kế hoạch hoạt động ngoài giờ lên lớp	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Đội
	60	[H1-1.8-03]	Báo cáo Sơ kết Học kì I	Từ năm học 2019-2020 đến năm học	Hiệu trưởng	Văn thư

				2023-2024		
	61	[H1-1.8-04]	Báo cáo tổng kết công tác Kiểm tra nội bộ	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Văn thư
Tiêu chí 1.9	62	[H1-1.9-01]	Hồ sơ thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Công đoàn
	63	[H1-1.9-02]	Báo cáo Ban Thanh tra nhân dân	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Ban Thanh tra nhân dân	Ban Thanh tra nhân dân
Tiêu chí 1.10	64	[H1-1.10-01]	Phương án phòng cháy, chữa cháy	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Văn thư
	65	[H1-1.10-02]	Hồ sơ xây dựng trường học an toàn, phòng chống tai nạn thương tích	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Y tế
	66	[H1-1.10-03]	Phương án phòng chống ngộ độc thực phẩm	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Y tế
	67	[H1-1.10-04]	Kế hoạch về việc tăng cường công tác phòng, chống dịch bệnh sốt xuất	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Y tế

			huyết, tay, chân miệng.			
	68	[H1-1.10-05]	Hợp đồng cung cấp thực phẩm, giấy phép đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Kế toán
	69	[H1-1.10-06]	Hợp đồng cung cấp nước uống	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Kế toán
	70	[H1-1.10-07]	Kế hoạch tuyên truyền, phòng chống dịch bệnh học đường	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Y tế
	71	[H1-1.10-08]	Hồ sơ khám sức khỏe của học sinh	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Y tế
	72	[H1-1.10-09]	Hồ sơ an ninh trật tự	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Văn thư
Tiêu chí 2.1	73	[H2-2.1-01]	Hồ sơ cá nhân của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	UBND quận Thủ Đức	Hiệu trưởng
	74	[H2-2.1-02]	Hồ sơ đánh giá chuẩn hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	Từ năm học 2019-2020 đến năm học	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Hiệu trưởng

				2023-2024	Hiệu trưởng	
Tiêu chí 2.2	75	[H2-2.2-01]	Quyết định phân công Tổng phụ trách	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Văn thư
	76	[H2-2.2-02]	Bảng phân công giáo viên dạy bộ môn	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng
Tiêu chí 2.4	77	[H2-2.4-01]	Thống kê hạnh kiểm, phẩm chất năng lực học sinh	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng
	78	[H2-2.4-02]	Danh sách học sinh nhận học bổng	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Văn thư
	79	[H2-2.4-03]	Danh sách học sinh đạt thành tích trong các hội thi	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Các bộ phận
Tiêu chí 3.1	80	[H3-3.1-01]	Ảnh chụp khuôn viên có cây xanh trong trường	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Phụ trách trang Web	Phụ trách trang Web
	81	[H3-3.1-02]	Ảnh chụp cổng trường, hình ảnh mặt trước của	Từ năm học 2019-2020 đến năm học	Phụ trách trang Web	Phụ trách trang Web

			sảnh trường	2023-2024		
	82	[H3-3.1-03]	Sơ đồ, bản vẽ nhà trường	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
Tiêu chí 3.2	83	[H3-3.2-01]	Sổ kiểm kê tài sản	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Văn thư
	84	[H3-3.2-02]	Hình ảnh lớp học	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Phụ trách trang Web	Phụ trách trang Web
Tiêu chí 3.3	85	[H3-3.3-01]	Hình ảnh nhà xe giáo viên và học sinh	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Phụ trách trang Web	Phụ trách trang Web
Tiêu chí 3.4	86	[H3-3.4-01]	Hình ảnh các khu nhà vệ sinh	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Phụ trách trang Web	Phụ trách trang Web
	87	[H3-3.4-02]	Giấy kiểm nghiệm nước	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Y tế

	88	[H3-3.4-03]	Hợp đồng thu gom rác. Hóa đơn thanh toán nước máy	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Kế toán
Tiêu chí 3.5	89	[H3-3.5-01]	Danh mục thiết bị dạy học của nhà trường	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Thư viện- Thiết bị
	90	[H3-3.5-02]	Sổ lưu chứng từ mua đồ dùng dạy học	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Thư viện-Thiết bị	Thư viện- Thiết bị
	91	[H3-3.5-03]	Kế hoạch hoạt động Thư viện-Thiết bị	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Thư viện- Thiết bị
	92	[H3-3.5-04]	Sổ đăng kí mượn đồ dùng dạy học	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Thư viện-Thiết bị	Thư viện- Thiết bị
	93	[H3-3.5-05]	Hồ sơ, hình ảnh Hội thi “Tự làm đồ dùng dạy học”	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Thư viện-Thiết bị	Thư viện- Thiết bị
	94	[H3-3.5-06]	Hợp đồng hóa đơn thanh toán internet	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Kế toán

Tiêu chí 3.6	95	[H3-3.6-01]	Sổ đăng kí báo, tạp chí	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Thư viện-Thiết bị	Thư viện-Thiết bị
	96	[H3-3.6-02]	Sổ đăng kí cá biệt	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Thư viện-Thiết bị	Thư viện-Thiết bị
	97	[H3-3.6-03]	Sổ theo dõi việc cho mượn sách	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Thư viện-Thiết bị	Thư viện-Thiết bị
	98	[H3-3.6-04]	Kế hoạch bổ sung sách	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Thư viện-Thiết bị
	99	[H3-3.6-05]	Hoá đơn mua sách báo hoặc phiếu xuất, nhập kho	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Thư viện-Thiết bị	Kế toán
	100	[H3-3.6-06]	Giấy công nhận Thư viện Tiên tiến- Xuất sắc	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Sở Giáo dục và Đào tạo	Thư viện-Thiết bị
Tiêu chí 4.1	101	[H4-4.1-01]	Hồ sơ Đại hội Đại biểu Cha mẹ học sinh.	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Ban Đại diện Cha mẹ học sinh	Văn thư

	102	[H4-4.1-02]	Biên bản họp cha mẹ học sinh các lớp	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Giáo viên, Ban đại diện CMHS lớp	Văn thư
	103	[H4-4.2-02]	Báo cáo hoạt động Liên đội.	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Tổng phụ trách	Tổng phụ trách
Tiêu chí 5.1	104	[H5-5.1-01]	Văn bản, hướng dẫn, chỉ đạo chuyên môn	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Bộ GD&ĐT, Sở GD&ĐT, Phòng GD&ĐT	Văn thư
Tiêu chí 5.2	105	[H5-5.2-01]	Kế hoạch giảng dạy	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Giáo viên	Phó hiệu trưởng
	106	[H5-5.2-03]	Đánh giá học sinh	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Giáo viên	Phó hiệu trưởng
Tiêu chí 5.3	107	[H5-5.3-01]	Kế hoạch giảng dạy kỹ năng sống cho học sinh	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Văn thư
	108	[H5-5.3-02]	Kế hoạch hoạt động của Liên đội	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Tổng phụ trách	Tổng phụ trách

	109	[H5-5.3-03]	Kế hoạch hoạt động của Chi đoàn	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Ban chấp hành Chi đoàn	Ban chấp hành Chi đoàn
Tiêu chí 5.4	110	[H5-5.4-01]	Hồ sơ tuyển sinh lớp 1	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Văn thư
	111	[H5-5.4-02]	Hồ sơ học sinh khuyết tật học hòa nhập	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng
	112	[H5-5.4-03]	Danh sách học sinh chuyển đi, chuyển đến	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Văn thư	Văn thư
Tiêu chí 5.5	113	[H5-5.5-01]	Hồ sơ kiểm tra chuyên môn.	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng
	114	[H5-5.5-02]	Thống kê kết quả học sinh cuối năm	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng
	115	[H5-5.5-03]	Hiệu suất đào tạo 5 năm	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Văn thư